

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TP HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)

Mã chứng khoán: VNE

Địa chỉ trụ sở chính: Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3562.361 Fax: 0236.3562.367

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Đức Hồng - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Điện thoại: 0236.3562.361 Fax: 0236.3562.367

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ.


Nội dung thông tin công bố:

Công bố Báo cáo thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho năm tài chính 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 17/4/2020 tại địa chỉ website:

https://www.vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2019/BCTN_VNE_2019.pdf

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;



TỔNG GIÁM ĐỐC 

ĐOÀN ĐỨC HỒNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

MỤC LỤC

Tầm nhìn - Giá trị - Sứ mệnh	2
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	3
Phần 1: Thông tin chung	4
Phần 2: Tình hình hoạt động trong năm	32
Phần 3: Báo cáo tác động môi trường xã hội	51
Phần 4: Báo cáo Ban Giám đốc	60
Phần 5: Báo cáo Hội đồng Quản trị	72
Phần 6: Quản trị công ty	76
Phần 7: Báo cáo tài chính	84



TẦM NHÌN

VNECO mong muốn trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.



SỨ MỆNH

- ◇ Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam.
- ◇ Mang điện đến mọi miền đất nước.
- ◇ Phát triển năng lượng xanh.
- ◇ Góp phần phát triển kinh tế quốc gia.
- ◇ Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
- ◇ Nâng cao giá trị cho cổ đông.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị văn hoá của toàn thể cán bộ công nhân viên VNECO

- ◇ Đổi mới: Tinh thần học hỏi, luôn cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc.
- ◇ Đồng đội: Tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác, đồng tâm hiệp lực cùng hướng tới mục tiêu chung.
- ◇ Cống hiến: Tinh thần thể hiện bản thân, đóng góp cho xã hội, cộng đồng thông qua công việc.

Giá trị văn hoá của cấp Quản lý

- ◇ Khát vọng: Luôn có mục tiêu và hành động với niềm đam mê.
- ◇ Chính trực: Nền tảng để ra quyết định đúng đắn, không vì lợi ích cá nhân.
- Trí - Tín: Trí tuệ, sáng suốt, khả năng nhìn xa, tính quyết đoán và coi trọng uy tín.

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông!

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty năm 2019 mặc dù chưa đạt hiệu quả cao nhưng đã có nhiều điểm sáng. Chiến lược đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm, đặc biệt là các công trình xây dựng dự án điện năng lượng tái tạo đã có kết quả khá tốt, doanh thu được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, các công trình xây lắp điện truyền thống vẫn rất khó khăn vì nhiều yếu tố khách quan không thuận lợi, nhiều công trình đã trúng thầu không thể đẩy nhanh tiến độ thi công, giá dự toán các gói thầu thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu không cao.

Năm 2019 Tổng Công ty vẫn phải đối mặt với khó khăn phát sinh từ vụ việc Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng xây dựng Việt Nam. Tổng Công ty đang kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét giám đốc thẩm vụ án nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Vụ việc oan sai này làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh trên thương trường và thị trường chứng khoán, công tác huy động vốn cho một số dự án không thể thực hiện được, vì vậy hoạt động đầu tư của Tổng Công ty không đạt kế hoạch đề ra.

Nhằm khắc phục những khó khăn trên, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục tìm mọi giải pháp khắc phục, tháo gỡ. Năm 2020 và các năm tiếp theo tập trung chỉ đạo, điều hành các vấn đề cụ thể sau:

- ▶ Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi linh hoạt phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tại mỗi công trình, dự án;
- ▶ Thay đổi cơ chế quản lý theo hướng tiết kiệm chi phí nhằm thích ứng với điều kiện cạnh tranh trên thị trường;
- ▶ Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư để thúc đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng trong việc triển khai thi công các công trình;
- ▶ Tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ sản xuất, nhằm tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian thi công công trình.

Tiếp tục kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét giám đốc thẩm vụ việc oan sai mà Tòa án buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho ngân hàng xây dựng nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng cho doanh nghiệp, cổ đông và người lao động VNECO.

Ngoài những mục tiêu trên, trong những năm tới Tổng Công ty kiên định mục tiêu chiến lược đầu tư để làm chủ một số dự án năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời; phấn đấu trở thành đơn vị tổng thầu, nhà thầu mạnh trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo. Ngoài ra những năm tới Tổng Công ty sẽ cân đối hợp lý các nguồn lực, thu xếp nguồn vốn và xem xét cơ hội để triển khai đầu tư khai thác một số dự án bất động từ các quỹ đất hiện có hiện nay.

Kính thưa Quý cổ đông, năm 2020 là năm đầu cho một nhiệm kỳ mới, tôi tin rằng trong nhiệm kỳ này, với kinh nghiệm và truyền thống vượt khó của CBCNV Tổng Công ty, cùng sự giúp đỡ tích cực và đồng hành của Quý vị, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam sẽ vượt qua khó khăn, thách thức để có bước phát triển bền vững, hiệu quả trong những năm tới.

Cuối cùng, tôi xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành, thấu hiểu và chia sẻ của quý cổ đông. Cảm ơn các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong tổ hợp VNECO đã nỗ lực không ngừng trong công việc. Cảm ơn sự tin tưởng hợp tác của quý khách hàng và đối tác.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, thành công. Chúc cho sự hợp tác của chúng ta ngày càng tốt đẹp.

Trân trọng!



CHỦ TỊCH HĐQT

ĐOÀN ĐỨC HỒNG

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu	5
Quá trình hình thành phát triển	6
Ngành nghề địa bàn kinh doanh	8
Mô hình hoạt động	20
Sơ đồ tổ chức, công ty con, liên kết	22
Định hướng phát triển	24
Rủi ro	28



Tên công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên giao dịch: VIETNAM ELECTRIC CONSTRUCTION JSC

Tên viết tắt: VNECO

Giấy CNĐKKD: Số 0400101450, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 904.329.530.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 904.329.530.000 đồng

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số điện thoại: +84 (0)236 356 2361

Số Fax: +84 (0)236 356 2367

Email: info@vneco.com.vn

Website: vneco.com.vn

Mã cổ phiếu: VNE

Logo:  **VNECO**
100% CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

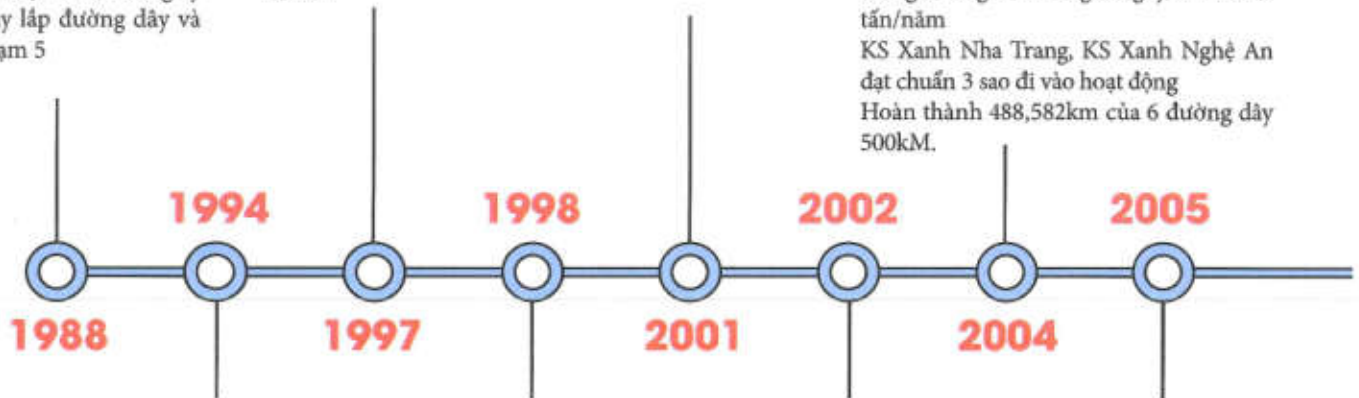


Ngày 22/02/1988 Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc - Nam
Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly - Pleiku

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn/năm đi vào hoạt động

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại TP Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm. Cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm
KS Xanh Nha Trang, KS Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao đi vào hoạt động
Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kM.



Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam, Vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thi điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng

Cổ phần hóa, chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện



Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng
 Niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
 Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

SCIC chuyển nhượng toàn bộ 18,9 triệu cổ phiếu VNE cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân
 Tăng vốn điều lệ từ 637 tỷ đồng lên 823 tỷ đồng
 Thoái vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO

Tổng Công ty thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
 Thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết: Công ty TNHH Quản lý dự án CORE ASIA

Ngoài ngành nghề xây lắp điện truyền thống, VNECO tham gia làm Tổng thầu EPC, PC xây lắp các nhà máy điện mặt trời



Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng

Tăng vốn điều lệ từ 823 tỷ lên 904 tỷ đồng

Tổng Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
 Thoái vốn đầu tư tại Công ty con: Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- ▷ Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- ▷ Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- ▷ Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- ▷ Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- ▷ Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- ▷ Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- ▷ Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- ▷ Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- ▷ Đầu tư tài chính;
- ▷ Sản xuất và kinh doanh điện;
- ▷ Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- ▷ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- ▷ Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- ▷ Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- ▷ Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- ▷ Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- ▷ Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- ▷ Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- ▷ Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chính

Trải qua hơn 30 năm hình thành phát triển, VNECO hiện nay tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, bất động sản du lịch và đầu tư dự án nguồn điện.

Thi công xây lắp công trình điện

Thi công xây lắp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. VNECO đã thực hiện thi công xây lắp hơn hàng chục nghìn km đường dây từ 110kV, 220kV đến 500kV, nhiều trạm biến áp 220kV, 500kV cùng nhiều công trình truyền tải điện đường dây khác.

Thế mạnh của VNECO là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng máy móc thiết bị hiện đại, cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500kV.

Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, VNECO đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia, đã và đang thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện.



Danh mục các công trình đã thi công

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
I	Đường dây 500kV		
1	Đz 500 kV Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	Đz 500kV Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	Đz 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001- 2006
4	Đz 500Kv Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11.483	2001- 2006
5	Đz 500Kv Pleiku- Dốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001- 2006
6	Đz 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152,01	2001- 2006
7	Đz 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001- 2006
8	Đz 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23,96	2007- 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012-2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012-2014
12	Đz 500kV Vinh Tân - Sông Mây	35,2	2010-2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Mây	29,57	2009-2013
15	Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013-2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014-2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29,45	2014-2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5,4	2014-2016
20	TBA 500kV Pleiku 2	3.453	2015-2016
21	Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên	5,3	2015-2017
22	Đz 500kV Vinh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	33,7	2015-2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa	17,08	2016-2018
25	Đz 500kV Đấu nối NMNĐ Thăng Long	4,37	2016-2017
26	Đz 500/ 220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2	8,01	2016-2017
27	Đz 500kV đấu nối NMD Nghi Sơn 2 vào Hệ thống điện QG	11,42	2018-2020
28	Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (03 lô)	100,41	2018-2020

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
II Đường dây 200kV			
1	Đz 220kV Vinh - Đồng Hới	214	
2	Đz 220kV Quy Nhơn - Pleiku	76	
3	Đz 220kV Pleiku - KrôngBúk	102.4	
4	Đz 220kV KrôngBúk - Nha Trang	147	
5	Đz 220kV Đà Nẵng - Hoà Khánh	13,3	
6	Đz 220kV Hàm Thuận - Bảo Lộc	28	
7	Đz 220kV Ninh Bình - Thanh Hoá	28.415	
8	Đz 220kV Hoà Khánh - Huế	82,17	
9	Đz 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7,34	
10	Đz 220kV Rạch Giá - Bạc Liêu	50	
11	Đz 220kV Đa Nhim - Nha Trang	113.33	
12	Đz 220kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi	104.6	
13	Đz 220kV Đa Nhim - Long Bình	6,44	
14	Đz 220kV Cà Mau - Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29.702	
15	Đz 220kV Thốt Nốt - Châu Đốc-Tĩnh Biên	96.198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức - Long Bình	5.232	
17	Đz 220 kV Thanh Thủy - Hà Giang - Tuyên Quang	35	
18	Đz 220kV Tuyên Quang - Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38,82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29,41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35,46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46,85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32,76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45,7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mây	8,2	2011-2014
27	Đz 220kV Vinh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phù Mỹ 2	46.67	2013-2016

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cà	1,8	2014-2015
30	Đz 220kV Văn Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17,8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đống Hới	26,8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25.776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13,39	2014-2016
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.1	33.988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.2	40,45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2,3	2014-2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4,1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14,2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15.394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên	4,7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2,7	2016-2017
45	Đz 220kV Thái Bình-Tiến Hải-Trực Ninh	8,01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9,75	2016-2017
47	Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Đức Hòa	8,7	2018-2019
48	Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối	22,1	2019-2020

III Đường dây dưới 220kV

1	TBA 220kV/110kV Vĩnh Tường và các đường dây đấu nối 220kV, 110kV	12,605	2016-2017
2	TBA 110kV Hòa Xuân và nhánh rẽ	1,94	2016-2017
3	Nâng cấp đường dây 110kV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch (từ trụ số 10 đến trụ số 32) cấp điện cho TBA 110kV Hyosung	6,677	2016-2017
4	Nâng cao năng lực truyền tải Đz 110kV Lô 172 TBA 220kV Ninh Bình-Tỉnh Xuyên	10,7	2016-2017
5	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Sơn Tây	11,82	2016-2018
6	ĐDK 110kV Hà Đông - Sơn Tây (173E1.4 đi 172E1.7)	38,226	2016-2019
7	Đz 110kV Nam Sài Gòn-Nam Sài Gòn, giai đoạn 2	3,782	2016-2019

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
8	Đz 220-110kV Cầu Bông-Bình Tân từ G19 đến TBA 500kV Cầu Bông	3,613	2017-2018
9	Đz 110kV 173 Trảng Bàng 2-177 Đức Hòa 2; 174 Trảng Bàng 2-171 Đức Huệ; 172 Đức Huệ-178 Đức Hòa 2 (Phân pha dây dẫn)	8,763	2017-2018
10	Đz 110kV 174 Phan Thiết-172 Phan Rí (Phân pha dây dẫn)	14,3	2017-2018
11	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Phong Điền	5,7	2018-2018
12	Nâng cấp ĐZ 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi-Đức Phổ-Tam Quan	28,02	2018-2018
13	Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	34,076	2018-2018
14	Treo dây mạch 2 ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	14,832	2018-2019
15	Đz 110kV Quy Nhơn - Sông Cầu (đoạn Phú Yên)	30	2019-2020

IV Trạm biến áp 220kV

1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125	
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63	
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63	
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63	
5	Trạm biến áp 220kV Krông Búk	63	
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123	
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125	
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125	
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125	
10	Trạm biến áp 220kV Đốc Sỏi	63	
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125	
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125	
13	Trạm biến áp 220kV Long Xuyên 2 & Đz đầu nối	250MVA	2016-2017
14	Trạm biến áp 220kV Đô Lương	250MVA	2017-2018
15	Trạm biến áp 220kV Phú Mỹ	250MVA	2017-2018

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
IV	Trạm biến áp 110kV		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50	
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16	
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25	
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16	
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5	
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16	
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25	
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40	
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25	
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phó	16	
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25	
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25	
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25	
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25	
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25	
16	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Long (MR)	25	
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25	
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đò (MR)	25	
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25	
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25	
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25	
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40	
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25	
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40	
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40	
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25	
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40	

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25	
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25	
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25	
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25	
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25	
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16	
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thủy & nhánh rẽ	25	
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25	
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25	
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25	
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25	
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25	
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA	
IV Các công trình thủy điện			
1	Nhà máy Thủy điện Khe Diên	9MW	2003-2007
2	Nhà máy Thủy điện Krông-H'Năng	64MW	2005-2008
3	Nhà máy Thủy điện Hối Xuân		
IV Trạm biến áp 220kV			
1	Nhà máy Điện mặt trời Cưjút - Buôn Ma Thuột	50MWp	2018-2019
2	Nhà máy Điện mặt trời Cam Lâm - Khánh Hòa	50MWp	2019-2020
3	Nhà máy Điện mặt trời HaCom - Ninh Thuận	50MWp	2019-2020
4	Nhà máy Điện mặt trời Thuận Nam - Đức Long	50MWp	2019-2020

Sản xuất công nghiệp

Các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm gia công cơ khí, sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống và sản xuất gạch block các loại.

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền công nghệ cao sản xuất trụ điện cột bê tông dự ứng lực, ống cống và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được kiểm định đo lường cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm trên khắp các tỉnh thành đất nước.



Dịch vụ du lịch, bất động sản

Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính, VNECO còn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực du lịch và bất động sản. Mặc dù không phải lĩnh vực kinh doanh chính nhưng cũng đóng góp cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. VNECO hiện đang sở hữu và khai thác Khách sạn Xanh Đà Nẵng:

Số 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: (84)236 3842055

Mail: info@greenhoteldn.com.vn

Website: www.greenhoteldn.com.vn

Khách sạn Xanh Đà Nẵng là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao Quốc Tế với hệ thống lưu trú gồm 84 phòng (49 phòng Deluxe, 4 phòng Suite, 6 phòng Villa, 25 phòng Standard), được thiết kế sang trọng đầy đủ các tiện nghi, dịch vụ bổ sung đảm bảo chất lượng và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; Nhà hàng tiệc cưới Hoa sứ sức chứa 450 khách và nhà hàng Draff Beer. Khách sạn Xanh tọa lạc trên đường Hoàng Văn Thái - Thành phố Đà Nẵng, cách bến xe trung tâm của thành phố chỉ khoảng 5 phút, nằm trên trục đường đi Bà Nà Hills, núi Thần Tài, cách nhà Ga Đà Nẵng và sân bay quốc tế Đà Nẵng chỉ 10 phút. Nhà hàng của Khách Sạn Xanh Đà Nẵng có sức chứa từ 200 đến 1000 khách. Phục vụ các món ăn từ phong cách Châu Âu, Á hiện đại mang đến những hương vị đậm bản sắc truyền thống quê hương Việt Nam.



Dịch vụ du lịch, bất động sản

Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Vị trí đầu tư: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Quy mô diện tích: 43,1 ha (trong đó Quỹ đất được giao nhà phố 925 lô, biệt thự 73 lô, đất thương mại dịch vụ: 3 lô)



Đầu tư nguồn điện

VNECO đã thực hiện thi công các nhà máy thủy điện như: Nhà máy thủy điện Hối xuân, nhà máy thủy điện Krông H' năng, nhà máy thủy điện Khe Diên,...

Hiện nay, Tổng Công ty tập trung xúc tiến đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong 1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2,...

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động của VNECO trải rộng khắp cả nước:

23 công trình đường dây 500kV
với tổng chiều dài **1500km**

42 công trình đường dây 220kV
với tổng chiều dài **1800km**

1.578km tổng chiều dài đường dây 110kV

4.400km tổng chiều dài đường dây 35kV, 22kV

Đã tham gia xây dựng:

03 trạm biến áp 500kV
với dung lượng từ 300MVA đến 450MVA,

12 trạm biến áp 220kV
với dung lượng từ 63MVA đến 125MVA

41 trạm biến áp 110kV
với dung lượng từ 5MVA đến 50MVA

Xây dựng 02 nhà máy thủy điện:

Khe Diên với công suất **9MW**

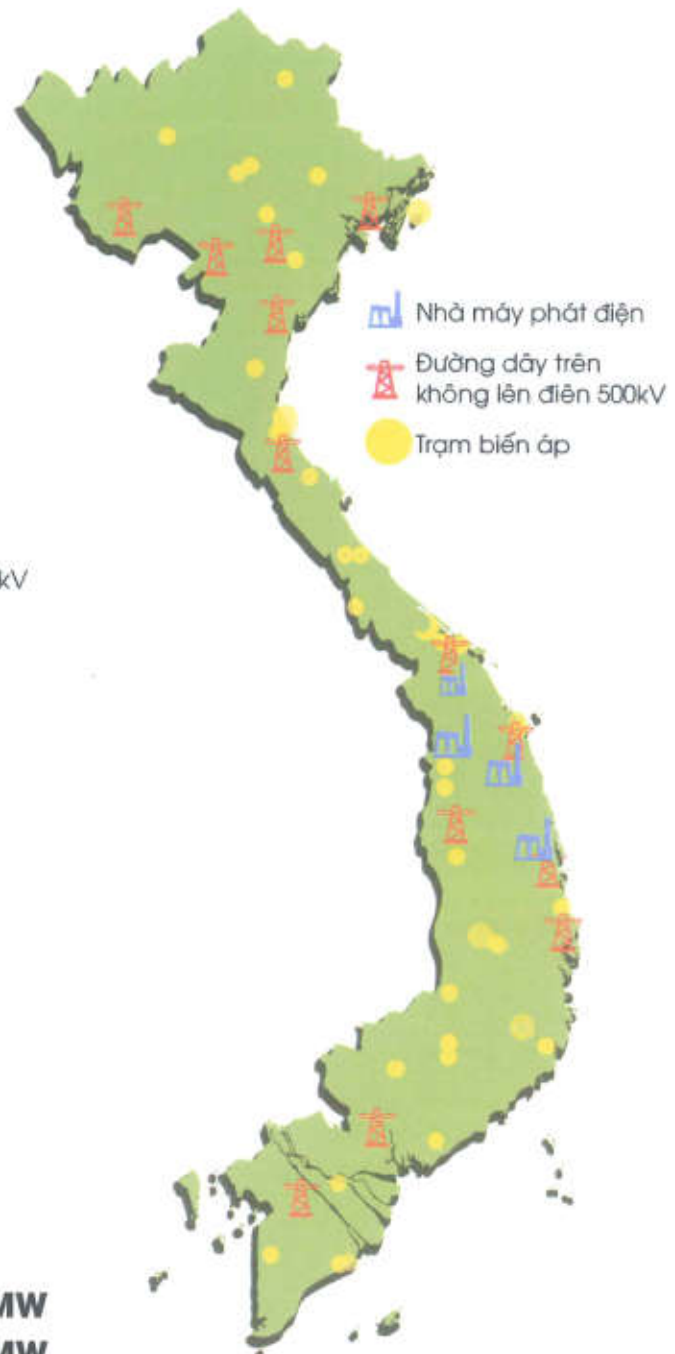
Krong Hnang với công suất **64MW**

Xây dựng 03 nhà máy điện mặt trời:

Cư Jút - Buôn Ma Thuột với công suất **50MW**

Cam Lâm - Khánh Hòa với công suất **50MW**

Thuận Nam - Đức Long với công suất **50MW**





Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất tại VNECO. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

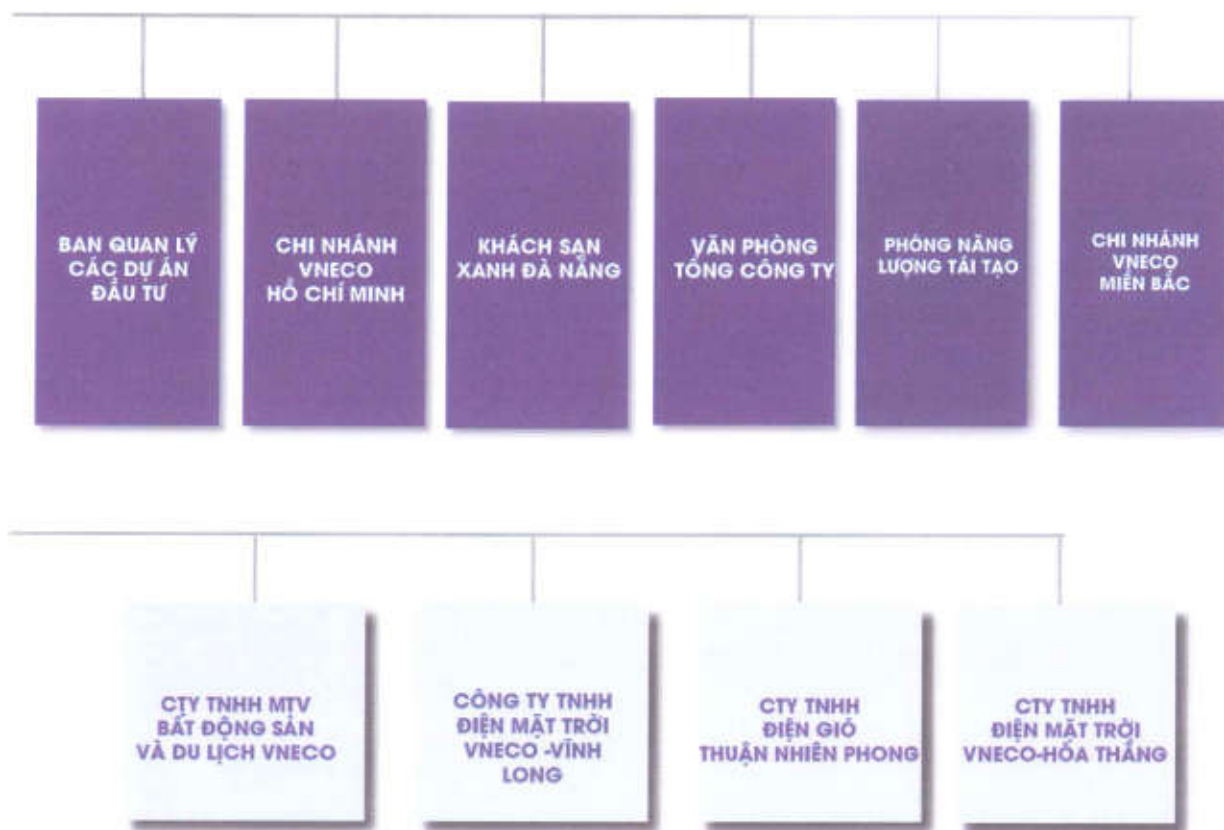
Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản trị của VNECO, có toàn quyền nhân danh VNECO để quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi VNECO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Báo cáo trước ĐHCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Tổng công ty. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Quyết định triệu tập ĐHCĐ. Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ VNECO quy định.

BAN KIỂM SOÁT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: gồm 7 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, 01 thành viên chuyên trách
- Ban Điều hành: 08 thành viên, gồm 01 Tổng giám đốc, 06 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng



Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ về các nhiệm vụ được giao.

Ban điều hành: Ban điều hành gồm 07 thành viên (01 Tổng giám đốc, 06 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng) do HĐQT bầu ra. Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách ban chỉ đạo công trình khu vực miền Bắc, Trung, Nam, phụ trách công tác đầu thầu và phụ trách công tác tài chính.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY

Văn phòng Tổng Công ty: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

- Khách sạn xanh Đà Nẵng: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh: 740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc: 2A2 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 13.197.100.000 đ

Vốn góp của VNECO: 6.985.720.000đ tương đương 52,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 10.280.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 5.192.580.000đ tương đương 54,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Vốn điều lệ: 18.000.100.000đ

Vốn góp của VNECO: 9.746.980.000đ tương đương 55,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 7.887.200.000đ tương đương 65,73% vốn điều lệ



CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN - DU LỊCH VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ: 100.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ THUẬN NHIÊN PHONG 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận
Vốn điều lệ: 2.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - HÒA THẮNG

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Vốn điều lệ: 200.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - VĨNH LONG

Số 174 đường Võ Văn Kiệt, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Vốn điều lệ: 100.000.000.000đ



CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN GÓP	% VỐN ĐIỀU LỆ
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	5.854.100.000	32,37%
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.560.000.000	33,34%
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.000.000.000	30,05%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

(1) Xây dựng VNECO trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, thực hiện các hợp đồng EPC cho các công trình điện, thực hiện đầu tư các dự án sản xuất điện năng từ năng lượng tái tạo, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn và du lịch...

(2)- Sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận công ty, tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.



(3)- Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

(4)- Xác định ngành nghề cốt lõi trung và dài hạn vẫn là xây lắp truyền thống. Bên cạnh đó để phát triển bền vững và không độc canh ngành nghề xây lắp, định hướng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phát triển bền vững. Bên cạnh đó quan tâm đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản, du lịch trong từng giai đoạn và từng thời điểm.

(5)- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển bền vững, mạnh mẽ.

ĐỊNH HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc vốn tại một số công ty con và liên kết kinh doanh không hiệu quả, đồng thời đầu tư nâng tỷ lệ cổ phần tại một số công ty phục vụ cho mục đích phát triển của Tổng Công ty. Để triển khai thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo thành công và hiệu quả cần chuẩn bị:

- ◇ Nguồn nhân lực: Bố trí 2 Phó tổng giám đốc phụ trách, cán bộ kỹ thuật điện, bộ phận quản lý dự án, cán bộ tài chính tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án.
- ◇ Nguồn lực về tài chính: Bố trí đủ nguồn vốn tự có và vốn vay thương mại để triển khai thực hiện đầu tư, hoàn thành sớm để khai thác dự án.
- ◇ Tổ chức thành lập công ty theo quy định pháp luật hiện hành và bộ máy để triển khai thực hiện từng dự án đầu tư.
- ◇ Nghiên cứu liên doanh liên kết với nhà cung cấp sản phẩm pin mặt trời để thực hiện hợp đồng PC (cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời) hoặc EPC (thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời). Thực hiện EPC cho hệ thống điện đường dây và TBA kết nối lưới điện quốc gia của các dự án điện gió và điện mặt trời.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ◇ Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) hướng tới phát triển bền vững, góp phần giải quyết bài toán về an ninh năng lượng qua đó hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước.
- ◇ Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- ◇ Mở rộng thị trường hoạt động ra các nước láng giềng: Lào, Campuchia
- ◇ Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng trong công tác thi công đường dây.
- ◇ Minh bạch thông tin tài chính, thông tin tình hình đầu tư và hoạt động.
- ◇ Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên, tăng năng suất lao động.
- ◇ Cải tiến quy trình hoạt động
- ◇ Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi cao cho đội ngũ CBNV

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....

RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Kinh tế Việt Nam năm 2019 đã đạt được những con số hết sức ấn tượng trong năm vừa qua:

- ◇ **Tăng trưởng GDP:** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2019 là 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% đến 6,8%, đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường, kết quả tăng trưởng 7,02% khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ; sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2019. Dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng đảm bảo mục tiêu kiểm soát dưới 4%, nợ công giảm so với năm 2018... Điều đó cho thấy sự nỗ lực của Chính phủ trong việc kiên định chính sách tiền tệ linh hoạt, giữ vững mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô.
- ◇ **Lạm phát:** CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018. Như vậy mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2019 dưới mục tiêu 4% Quốc hội đề ra và cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,01% so với bình quân năm 2018. Trong năm 2019, lạm phát chung có mức tăng cao hơn lạm phát cơ bản.



- ◇ Dự trữ ngoại hối Quốc gia đã tăng kỷ lục trong năm 2019, đạt 80 tỷ USD tăng 20 tỷ USD so với năm 2018, góp phần ổn định sự tăng trưởng kinh tế.
- ◇ Thâm hụt cán cân thương mại: Cán cân thương mại hàng hóa năm 2019 thặng dư 11,12 tỷ USD, cao hơn 3,91 tỷ USD mức thặng dư năm 2018. Tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2019 đạt 517,26 tỷ USD tăng 7,6% so với năm 2018 (trong đó, tổng trị giá xuất khẩu năm 2019 ước đạt 266,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2018 và tổng trị giá nhập khẩu năm 2019 ước đạt 253,51 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018).
- ◇ Tỷ giá: chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2019 tăng 0,99% so với năm 2018.
- ◇ Lãi suất thị trường năm 2019: Tín dụng trong năm 2019 đã được kiểm soát chặt chẽ, tập trung phân bổ vào lĩnh vực sản xuất, ưu tiên tạo động lực cho phát triển, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế. Mức tăng trưởng tín dụng năm 2019 đạt 12,1%, thấp hơn mức 13,3% của cùng kỳ năm 2018 và là mức tăng thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Tổng phương tiện thanh toán và huy động vốn của các tổ chức tín dụng lần lượt tăng 12,1% và tăng 12,5% so với năm 2018. Trong năm 2019, NHNN đã điều chỉnh hàng loạt các lãi suất. Cụ thể, lãi suất bình quân liên ngân hàng qua đêm tại ngày 26/12/2019 đạt 1,54%, giảm so với mức 4,64% vào cuối năm 2018. Tháng 9/2019, NHNN đồng loạt giảm lãi suất điều hành bao gồm lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn. Kể từ tháng 10/2019, NHNN cũng chính thức hạ trần lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi.
- ◇ Với đặc thù ngành, các công trình thi công xây dựng thường là những công trình có quy mô lớn, phát sinh thường xuyên nhu cầu tín dụng ngắn hạn như các công trình hệ thống lưới điện, công trình đầu tư nguồn điện... do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của của Tổng công ty.
- ◇ Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VNECO. Sự thay đổi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ điện năng, từ đó tác động đến quy hoạch nguồn cung điện và xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh VNECO. Cùng với đà hồi phục mạnh của nền kinh tế, nhu cầu điện năng tăng kéo theo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và truyền tải điện.
- ◇ Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành VNECO vẫn thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNECO.

Rủi ro pháp lý

- ◇ Là một công ty cổ phần, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác....
- ◇ Rủi ro pháp lý là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi và hệ thống pháp luật đang còn nhiều sự bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp..., điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.
- ◇ Một số văn bản quy phạm pháp luật điều tiết hoạt động xây lắp điện như Quyết định 4790/QĐ-BCT sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VNECO nói riêng.
- ◇ Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

Rủi ro ngành

- ◇ Đặc thù của hoạt động xây dựng (xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng điện,..) là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như: xây dựng các đường dây và trạm biến áp, các công trình hạ tầng cơ sở...
- ◇ Ngoài ra, ngành còn phải chịu nhiều rủi ro từ các quy định pháp lý kể cả việc quy hoạch đất đai, tài sản. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án cũng như môi trường quản lý điều hành và hoạch định của Nhà nước...
- ◇ Thời gian thi công thường kéo dài, tiến độ thực hiện chịu sự tác động của nhiều phía.
- ◇ Điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công các công việc ở phần ngầm dưới đất, vừa thi công các phần việc ở trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.
- ◇ Đặc thù nguyên vật liệu: Sắt, thép, kẽm, gạch đá xi măng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất và xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty.
- ◇ Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện.

Rủi ro thanh toán

- ◇ Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán (đặc biệt là thanh toán phát sinh) sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- ◇ Rủi ro của VNECO có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- ◇ VNECO đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Rủi ro môi trường

- ◇ Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động VNECO không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng....Nhằm hạn chế những tác động đến môi trường quanh khu vực thi công, Tổng Công ty tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công mới, tiên tiến, tiết kiệm nhân lực và diện tích ảnh hưởng.

Rủi ro khác

- ◇ Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình đã, đang thi công). Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.
- ◇ Vì vậy, VNECO phải cập nhật theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

Hoạt động SXKD	33
Tổ chức nhân sự	36
Hoạt động đầu tư	43
Tình hình tài chính	47
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH	49



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

VNECO là một trong những đơn vị đầu tiên và chủ lực trong ngành xây lắp điện và là một trong số ít những đơn vị có kinh nghiệm thi công đường dây & trạm biến áp 500kV cũng như thực hiện hợp đồng EPC các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp cao áp. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tập trung 4 mảng chính trong đó cốt lõi là xây lắp các công trình điện. Tỷ trọng doanh thu xây lắp hàng năm chiếm khoảng 60-85% tổng doanh thu Tổng Công ty.

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019
1	Doanh thu thuần	908.832	741.772	1.231.903
2	Tăng trưởng DTT	17,39%	(18,38%)	66,08%
3	Lợi nhuận trước thuế	97.663	75.604	17.070
4	Tăng trưởng LNTT	857,01%	(22,59%)	(77,42%)
5	LNST hợp nhất	65.817	83.025	9.663
6	Tăng trưởng LNST Hợp nhất	1101,04%	26,15%	(88,36%)
7	LNST Công ty mẹ	63.493	84.428	9.894
8	Tăng trưởng LNST Công ty mẹ			

Năm 2017: Với nhiều thay đổi tích cực trong công tác quản lý và tìm kiếm việc làm, kết quả kinh doanh năm 2017 đã khởi sắc với nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh so với năm 2016:

- Doanh thu thuần đạt 908.832 triệu đồng, tăng trưởng 17,4% so với năm 2016 (riêng doanh thu chuyển nhượng khu đất dự án Sơn Trà VNECO-PLAZA đạt 205.950 triệu đồng);
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 65.817 triệu đồng, tăng gấp 11 lần so với năm trước.

Năm 2018: Doanh thu thuần đạt 741.772 triệu đồng, sụt giảm so với năm 2017 là 18,38%, do các nguyên nhân sau:

- Các chủ đầu tư EVN, NPT triển khai các dự án theo hướng phân chia ngày nhỏ các qui mô gói thầu nên có sự cạnh tranh gay gắt trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm;
- Đơn giá xây dựng cơ bản có sự điều chỉnh, các dự án có cùng quy mô công trình có tổng dự toán được phê duyệt giảm 20-30% so với trước đây làm ảnh hưởng doanh thu, hiệu quả Tổng Công ty;
- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn và có xu hướng ngày càng tăng, công tác bàn giao mặt bằng thi công của Chủ đầu tư chậm, vật tư Chủ đầu tư cấp chậm, không đồng bộ, phụ thuộc vào lịch cắt điện (như Đz và TBA 110kV Tĩnh Gia, Đz 500kV đấu nối Nghi Sơn (A cấp stub bar chậm), TBA 500kV Đức Hòa, TBA 500kV Tân Uyên, Đz 500kV Mỹ Tho Đức Hòa, Đz 500kV Sông Máy-Tân Uyên (phụ thuộc lịch cắt điện) làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình và thực hiện doanh thu của Tổng Công ty trong năm 2018;

Mặt khác các dự án bị trượt so với kế hoạch ban đầu; các thủ tục triển khai của Chủ đầu tư chậm nên việc thi công Đz 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi đã ảnh hưởng đến một phần doanh thu 2018;

Nhưng bù lại trong năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện tái cấu trúc tài sản thành công từ việc chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO nên doanh thu hoạt động tài chính từ chênh lệch giữa giá phí thoái vốn và giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ khi thực hiện thoái vốn trên BCTC hợp nhất là 169.859 triệu đồng đã góp phần làm doanh thu hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ năm 2017; Đồng thời điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lãi 11.787 triệu đồng để tăng lợi nhuận hợp nhất trong năm 2018 do trước đây Công ty mẹ trích lập dự phòng vào Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO.

Mặt khác, doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản cũng góp phần hỗ trợ trong cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty.

Vì vậy, mặc dù năm 2018, doanh thu sụt giảm hơn năm 2017 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng 32,97% so với cùng kỳ năm 2017.

Năm 2019: Doanh thu thuần năm 2019 đạt 1.232 tỷ đồng, tăng 66,88% so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu do:

- ◇ Doanh thu hoạt động xây lắp điện năm 2019 đạt 510 tỷ đồng;
- ◇ Doanh thu hoạt động xây lắp các nhà máy điện mặt trời năm 2019 đạt 462 tỷ đồng;
- ◇ Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tại Khu đô thị Mỹ Thuận Thừa Thiên Huế đạt 223 tỷ đồng;
- ◇ Doanh thu bán hàng và sản xuất công nghiệp đạt 30 tỷ đồng;
- ◇ Doanh thu dịch vụ, khách sạn, nhà hàng đạt 7 tỷ đồng;

Tuy nhiên, một số công trình xây lắp điện công tác đến bù giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, phụ thuộc vào tiến độ cắt điện như: Đz 100kV Cầu Bông - Bình Tân, Đz 500kV đấu nối Nghi Sơn, Đz đấu nối 220kV vào TBA 500kV Đức Hòa, TBA 500kV Đức Hòa, Đz 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa, Đz 500kV Sông Mây Tân Uyên (chủ đầu tư cấp vật tư không đồng bộ); Một số công trình bị trượt so với kế hoạch ban đầu, triển khai của chủ đầu tư còn chậm, vướng đến bù, cấp cột như Đz 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi nên không thể triển khai thi công nhanh để nghiệm thu lên phiếu giá kịp thời đã làm giảm một phần doanh thu ghi nhận trong năm 2019.

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2019 đạt 9.894 tỷ đồng giảm 88,28% so với cùng kỳ năm 2018, nguyên nhân do tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu nhóm xây lắp điện Đz & Trạm và xây lắp nhà máy điện mặt trời bình quân 6,7%; Hoạt động kinh doanh dịch vụ bị lỗ; nhờ sự hỗ trợ lợi nhuận gộp trên doanh thu của nhóm kinh doanh bất động sản và sản xuất công nghiệp với tỷ lệ lợi nhuận gộp bình quân lần lượt là 13,96% và 18,46%; Mặt khác, trong năm 2019 không có hoạt động tái cấu trúc đầu tư vốn như năm 2018.

Biến động chi phí

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019
1	Giá vốn/DTT	76,73%	93,07%	92,02%
2	CP quản lý/DTT	12,73%	10,40%	5,44%
3	CP tài chính/DTT	1,55%	2,84%	1,35%
4	CP khác/DTT	1,03%	2,79%	0,23%

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cũng thay đổi nhiều trong năm 2019. Trong đó:

- Biên lợi nhuận của hoạt động xây lắp dưới tác động của Quyết định 4790/BCT và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành nên giảm sút mạnh.
- Biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh bất động sản cao do quỹ đất của Tổng Công ty được mua từ sớm với chi phí giá vốn thấp đã hỗ trợ cho biên lợi nhuận chung của Tổng Công ty.
- Một số dự án năng lượng tái tạo được Tổng Công ty nghiên cứu đầu tư nhưng chưa đi vào khai thác nên không có doanh thu tương ứng.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 2019:

Vĩ mô:

- Tình hình kinh tế xã hội phát triển ổn định, GDP tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho các dự án ngành điện được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng công ty tham gia.
- Chính sách của nhà nước thay đổi về khai thác khoáng sản nên đã làm cho giá cát xây dựng biến động tăng đột biến, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019.

Ngành:

- Tháng 12/2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970 quy định về định mức dự toán cho công tác xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của các công ty xây lắp điện nói chung và Tổng Công ty nói riêng giảm mạnh.
- Nhiều dự án của ngành điện được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia và trúng thầu một số công trình.
- Tổng Công ty đã tham gia và trúng thầu một số công trình Nhà máy điện mặt trời.
- Công tác thi công phụ thuộc vào cát điện của Chủ đầu tư, vướng đến bù giải phóng mặt bằng, vật tư chủ đầu tư cấp chậm, thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD.
- Tình hình giá cát biến động tăng đột biến làm cho một số dự án triển khai chậm hoặc phải thay đổi phương án ảnh hưởng đến Doanh thu và lợi nhuận Tổng Công ty trong năm qua.
- Xu hướng phát triển chung của ngành điện là các dự án PC, EPC, cấp ngầm...

Nội tại Doanh nghiệp:

- Là doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm đáp ứng hầu hết các công trình xây lắp.
- Đối với các dự án PC, EPC, cải tạo năng lực kinh nghiệm còn hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đấu thầu, doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty.
- Lực lượng lao động lành nghề tại các công ty con hiện rất mỏng và thiếu.
- Tích cực đầu tư vào các dự án điện gió và năng lượng mặt trời.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ban điều hành đều là những người có thâm niên công tác lâu năm trong ngành xây lắp điện và gắn bó với Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Điều này giúp cho Ban điều hành có những hiểu biết sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như duy trì mối quan hệ rộng trong ngành.

Ban điều hành	Chức vụ
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo
Ông Trần Văn Huy	Phó TGD kiêm trưởng Ban đấu thầu
Ông Phan Anh Quang	Phó TGD phụ trách tài chính
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó TGD kiêm trưởng BCD miền Bắc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo
Ông Lê Văn Khôi	Phó TGD kiêm trưởng BCD miền Nam
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng



Sơ yếu lý lịch ban điều hành



Ông ĐOÀN ĐỨC HỒNG
Tổng Giám đốc VNECO

2015 - 2016	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
07/2016- 03/2017	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
03/2017 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/02/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 04/09/1974

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán, Thạc sỹ kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019 : 228.800 cổ phần - tỷ lệ 0.253% vốn điều lệ

1997 - 2002	Là Cán bộ Phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
2002- 2005	Là Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
2005 - 2006	Là Phó phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2006 - 2006	Là Trưởng phòng TCKT - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2006 - 2017	Là Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
09/2017 đến nay	Là Thành viên HĐQT, kiêm phó tổng giám đốc phụ trách tài chính

Năm sinh: 10/06/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019 : 1.430.000 cổ phần - tỷ lệ 1.581% vốn điều lệ

1986 - 1988	Cán bộ phòng Kế hoạch - Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III - Bộ Năng lượng
1988 - 1990	Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
1991 - 1998	Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
1998 - 1998	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
1998 - 1999	Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
1999 - 2002	Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2005	Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) - Bộ Công nghiệp
2005 - 2015	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông PHAN ANH QUANG
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông NGÔ VĂN CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 30/05/1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ hệ thống điện

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019 : 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0.116% vốn điều lệ

- 08/1997 - 06/1999 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 07/1999 - 11/2002 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 06/2016 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 06/2016 - 31/01/2018 Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/02/2018 - nay Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 01/05/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019 : 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0.116% vốn điều lệ

- 7/1987 - 2/1988 Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế
- 3/1988 - 10/1994 Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 11/1994 - 11/1995 Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 12/1995 - 8/1999 Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
- 9/1999 - 9/2002 Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3
- 10/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)
- 12/2005 - 12/2006 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông TRẦN VĂN HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông PHẠM HỮU MINH HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 28/07/1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ tại VNECO: 188.591 cổ phần - tỷ lệ 0.209% vốn điều lệ

- 2001-2003 Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2003-2005 Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2006- 15/9/2009 Phó Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 16/9/2009 - 7/2010 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 7/2010 - 11/2013 Trưởng ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 12/2013- 9/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 9/2017 - nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 30/10/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019 : 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0.036% vốn điều lệ

- 8/1997-4/2003 Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
- 5/2003-3/2004 Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
- 4/2004-7/2009 Phó phòng Kỹ thuật vật tư Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2009-6/2013 Phó giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 7/2013-5/2014 Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2014-5/2016 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2016 đến nay Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam



Ông LÊ VĂN KHÔI
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông NGUYỄN TỊNH
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 05/05/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019 : 171.109 cổ phần - tỷ lệ 0,189% vốn điều lệ

- 08/1997-10/2002 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2002 - 10/2003 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2003 - 03/2004 Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 04/2004 - 11/2005 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 04/2015 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 05/2015 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019 : 300.000 cổ phần - tỷ lệ 0,332% vốn điều lệ

- Từ 2000- 2005 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty xây lắp điện 3
- Từ 2005- 2006 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- Từ 2006- 10/2016 Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 11/2016- 7/2017 Trưởng Ban QLRR&KSNB Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2017 đến nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam kiêm Kế toán trưởng



Ông TRẦN QUANG CÂN
Kế toán trưởng

Những thay đổi trong Ban điều hành: (không có)

Tình hình nhân sự

VNECO hiện có 164 lao động làm việc tại văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

TT	Tính chất phân loại	Năm 2019	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	164	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	80	48,78%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	22	13,41%
3	Khác	62	37,8%
B	Theo hợp đồng lao động	164	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	129	78,66%
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	24	14,63%
3	Hợp đồng dưới 1 năm	0	0
4	Hợp đồng thời vụ	11	6,71%

Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Tổng Công ty đang áp dụng về giờ làm việc 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào những ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.

Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại chức ở các trường đại học.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương thực hiện theo Quy chế chi trả tiền lương, thu nhập tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của người lao động, phù hợp với xu thế tiền lương trên thị trường lao động. Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty thực hiện chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên, lao động giỏi đi nghỉ mát, thăm quan du lịch trong nước, tổ chức nghỉ điều dưỡng tại chỗ, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế

Địa điểm: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Diện tích đất dự án: 43,1 ha.

Quy mô: 925 lô đất nhà phố, 73 lô đất biệt thự, 03 lô đất thương mại dịch vụ

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Thời gian: từ 2007 đến 2017

Tình hình triển khai dự án: Toàn bộ dự án đã đầu tư xong phần hạ tầng kỹ thuật, chỉ riêng đến thời điểm hiện nay, phần đấu nối hệ thống các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường 3D, 3E, 3G chưa triển khai thi công được, nguyên nhân do các tuyến đường 36m và 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên VNECO chưa có mặt bằng để thi công phần tiếp giáp các tuyến đường trên. Đồng thời, đối với diện tích đất khu thương mại dịch vụ kết hợp chung cư (với diện tích được giao để thực hiện là 32.559,9 m², bao gồm các khu CT2, CT3 và CT4), VNECO đã thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo phê duyệt của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cùng với tuyến đường giao thông 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên chưa có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để triển khai thực hiện.

Đồng thời Hồ sơ Bảo vệ môi trường đã trình Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Thừa Thiên Huế chưa phê duyệt được, do hệ thống thoát nước thải của tỉnh Thừa Thiên Huế chưa hoàn chỉnh, chưa có điểm đấu nối chính thức.

Trong năm 2019, VNECO đã thực hiện chuyển nhượng 215 lô đất và nhà thô trên đất theo hình thức hợp tác đầu tư cho các đối tác, với tổng diện tích đất được chuyển nhượng là 30.970,20 m² và doanh thu chuyển nhượng là 222.887 triệu đồng.

Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong - Bình Thuận:

Khu vực Turbine:

- Hồ sơ thiết quy hoạch 1/2000 và 1/500 lập lại với công nghệ mới có công suất 4,2MWW/1 Turbine đang trình Sở xây dựng Bình Thuận đang thẩm định trình UBND tỉnh;

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật lập lại với công nghệ mới có công suất 4,2MWW/1 Turbine, tư vấn PECC5 thực hiện (Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 5 lập lại, phòng NLTT tổng hợp trình);

Đường dây 110kV Thuận Nhiên Phong - Mũi Né:

Năm 2019 sau khi thống nhất với Điện gió Đại Phong và Tổng công ty điện lực miền Nam về điều chỉnh tuyến đoạn qua rừng Rạng Đông và Công ty Đầu tư Sài Gòn, đã xong thiết kế đoạn đi chung 2 mạch với Điện gió Đại Phong và đoạn 4 mạch đi chung Đại Phong và SPC.

Dự án điện mặt trời tại xã Hòa Thắng, Bình Thuận:

- ◇ Thực hiện chủ trương của HĐQT Tổng công ty đã triển khai xin đầu tư dự án năng lượng sạch, điện mặt trời kết hợp trên khu đất của điện gió Thuận Nhiên Phong.
- ◇ Đã làm việc với các Sở ban ngành của UBND tỉnh Bình Thuận xin chủ trương thực hiện đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1 và 4.2. Sau khi xem xét các ý kiến của các Sở ban ngành và tình hình thực tế, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Tờ trình gửi Bộ Công thương đề nghị cho Tổng công ty đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2 công suất 48,99 MWp, tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, phối hợp với Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 làm hồ sơ gửi Bộ Công thương.
- ◇ Bộ công thương đã tiếp nhận hồ sơ bổ sung quy hoạch, hiện tại đang tạm dừng nội dung theo văn bản số 174/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của văn phòng Thủ tướng chính phủ.

Dự án điện mặt trời tại xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- ◇ Dự án tạm dừng từ đầu năm 2019, do các hộ dân bị ảnh hưởng trong phạm vi dự án không đồng ý với phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư được duyệt.
- ◇ Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long đã phối hợp với UBND tỉnh Vĩnh Long để có phương án xin điều chỉnh vị trí dự án.

Dự án Green Mart tại 66 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng:

- ◇ Để hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo yêu cầu đưa đất vào sử dụng theo quy định, đã hoàn thành thiết kế hoàn thiện khu nhà 4 tầng trình duyệt thiết kế và chi phí thực hiện.
- ◇ Nhà thầu đang triển khai thi công hoàn thiện khối nhà 4 tầng.

Dự án 344 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng:

- ◇ Thực hiện theo hướng dẫn của sở Tài Nguyên môi trường thông qua ý kiến thống nhất của UBND TP Đà Nẵng, VNECO đã làm việc với Viện Quy Hoạch thành phố Đà Nẵng lập hồ sơ thiết kế quy hoạch 1/500 trình Sở xây dựng đang thẩm duyệt quy hoạch 1/500 của dự án. Hiện tại đang đơn đốc sở Xây Dựng trình duyệt.

Dự án điện gió tại huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị:

- ◇ Đã hoàn thành hồ sơ thiết kế quy hoạch.
- ◇ Hoàn thành lắp đặt đưa vào sử dụng cột đo gió, thực hiện đo gió từ tháng 5 năm 2019.
- ◇ Hồ sơ quy hoạch đã trình Bộ Công Thương chờ xin chủ trương Thủ tướng Chính Phủ bổ sung quy hoạch.

Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

1. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2019: 6.985.720.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93

2. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh

Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2019: 5.192.580.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%

3. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2019: 9.746.980.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%

4. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2019: 7.887.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%

5. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2019: 2.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

6. Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO

Địa chỉ: Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động chính : Xây lắp, kinh doanh Bất động sản, nhà hàng, khách sạn...

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

7. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2019: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

8. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long

Địa chỉ: số 74 đường Võ Văn Kiệt, phường 9, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2019: 25.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

TT	Nội dung	Số lượng CP năm giữ	Giá trị vốn góp	Dư phòng đã trích lập 31/12/2019	Doanh thu 2019	LNST 2019
I Công ty con						
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.986		65.207	982
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.193		20.998	524
3	Công ty CP xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.747	(2.692)	65.312	(2.518)
4	Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	788.700	7.887		50.234	522
5	Công ty TNHH MTV Bất động sản Du lịch VNECO-LIVING		0		0	0
6	Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong		2.000		0	0
7	Công ty TNHH điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng		20.000		0	4
8	Công ty TNHH MTV điện mặt trời VNECO-Vinh Long		25.000		0	2
II Công ty liên kết						
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854		21.510	209
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560	(9.560)	0	0
3	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000	(3.000)	53.558	75



Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2018	2019	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	1.505.122	1.431.299	(4,90%)
2	Doanh thu thuần	741.772	1.231.903	66,08%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	181.333	1.460	(99,19%)
4	LN hoạt động kinh doanh	91.743	14.824	(83,84%)
5	LN trước thuế hợp nhất	75.604	17.070	(77,42%)
6	LN sau thuế của Công ty mẹ	84.427	9.893	(88,28%)
7	Tỷ lệ trả cổ tức	9%	0%	

Năm 2019, trong bối cảnh ngành Xây lắp điện còn gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, riêng chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 66,08% (do ngoài doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, còn hỗ trợ thêm của doanh thu của xây lắp các nhà máy điện mặt trời và doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản), chỉ tiêu kinh tế còn lại đều giảm so với cùng kỳ năm 2018. Trong năm 2019, không có thực hiện tái cấu trúc từ việc thoái vốn đầu tư như năm 2018 nên lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt 9.893 triệu đồng, giảm 88,28% so với cùng kỳ năm 2018.

TT	Chỉ tiêu	DVT	2018	2019
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,39	1,61
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,16	1,32
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ/TTS	%	35,35%	31,51%
	Nợ/VCSH	%	54,68%	46,01%
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay Tổng tài sản	vòng	0,48	0,84
	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	51	41
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	235	136
	Kỳ phải trả bình quân	ngày	143	66
4	Khả năng sinh lời			
	LNST/DTT	%	11,38	0,80%
	LNST/TTS	%	5,61	0,69%
	LN HĐKD/DTT	%	10,41	12,37%
	ROA	%	5,51	0,67%
	ROE	%	8,84	1,01%

Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ và luôn duy trì ở mức trên 1 lần. So với cùng kỳ năm 2018, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,39 lần lên 1,61 lần. Trong năm 2019, doanh thu tăng 66,08% so với cùng kỳ năm 2018, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 72,95%, trả trước cho người bán giảm 28,79%, phải thu ngắn hạn khác giảm 16,30%, dự phòng phải thu khó đòi tăng 10,14% nên các khoản phải thu ngắn hạn tăng 10,71% so với cùng kỳ năm 2018; Mặt khác hàng tồn kho tăng 6,12%, tài sản ngắn hạn khác tăng 12,73%, nhưng tiền và các khoản tương đương tiền giảm 64,81% dẫn đến tài sản ngắn hạn của Tổng công ty giảm từ 739.794 triệu đồng năm 2018 còn 718.794 triệu đồng năm 2019 (tương ứng tỷ lệ giảm 2,79%) trong khi đó, nợ ngắn hạn giảm gần 82.989 triệu đồng (tương ứng tỷ lệ giảm 15,65%) do đó kết quả hệ số thanh toán tăng so với cùng kỳ.

Cơ cấu vốn

Cùng với việc kiểm soát chặt chẽ khả năng thanh toán, các chỉ số về đòn bẩy nợ cũng được Tổng Công ty điều tiết phù hợp với điều kiện kinh doanh hàng năm. Tổng nợ năm 2019 đạt 450.999 triệu đồng, giảm nhẹ 15,65% so với năm 2018. Tỷ số chỉ tiêu Nợ trên chỉ tiêu Tổng tài sản năm 2019 đạt 31,51% giảm nhẹ so với mức năm 2018 và luôn duy trì trong ngưỡng an toàn và đưa chỉ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu giảm 8,67% so với cùng kỳ năm 2018.

Năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản năm 2019 đạt 0,84 vòng, tăng so với mức 0,48 lần năm 2018 do tổng tài sản bình quân giảm cùng với quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và tái cấu trúc các khoản đầu tư từ năm 2018. Đặc thù ngành xây lắp điện phát sinh rủi ro nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian tùy thuộc vào từng nguồn vốn và phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, dẫn đến kỳ thu tiền bình quân luôn cao hơn kỳ trả tiền bình quân. Điều này đòi hỏi các Doanh nghiệp trong ngành phải chủ động về nguồn vốn, đảm bảo được nguồn vốn để thanh toán.

Khả năng sinh lời

Mặc dù doanh thu năm 2019 tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2018 là 66,08%, nhưng tỷ lệ lãi gộp các công trình thấp nên không bù đắp được các chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra và không có hoạt động tái cấu trúc như cùng kỳ năm 2018 nên lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2019 giảm hơn cùng kỳ năm 2018 là 88,28%, giảm hơn cùng kỳ năm 2017 là 84,42% và giảm hơn cùng kỳ năm 2016 là 1,87%.

Ngày 26/12/2016 Bộ Công Thương ban hành quyết định 4790/QĐ-BCT quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quy định mới này, giá trị xây dựng móng các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương các công trình xây dựng dân dụng và thấp hơn khá nhiều so với quy định trước đó. Điều này tác động tiêu cực đến lợi nhuận biên hoạt động xây lắp của Tổng công ty.

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH

Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 90.432.953 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 8.498.920 cổ phần, trong đó:

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 81.934.033 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 90.432.953 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 03/05/2019)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Nhà nước	-	-
2	Nội bộ	2.982.940	3,30
3	Cổ phiếu quỹ	8.498.920	9,40
4	Cổ đông trong nước	66.690.655	73,35
	Tổ chức	2.661.460	2,94
	Cá nhân	64.029.195	70,80
5	Cổ đông nước ngoài	12.260.438	13,56
	Tổ chức	7.664.687	8,48
	Cá nhân	4.595.751	5,08
	Tổng cộng	90.432.953	100

Danh sách cổ đông lớn: (tại ngày 31/12/2019)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	7.149.706	7,91
2	La Mỹ Phương	6.596.789	7,29
	Tổng cộng	13.746.495	15,20

Tại ngày chốt danh sách cổ đông 03/05/2019 để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, số lượng cổ phiếu của cổ đông La Mỹ Phương nắm giữ cổ phiếu VNE là 4.842.970 cổ phiếu chiếm 5,36% vốn điều lệ.

Căn cứ vào báo cáo về thay đổi sở hữu của Cổ đông lớn của La Mỹ Phương ngày 09/9/2019 đã báo cáo trên thị trường thì tại thời điểm lập báo cáo thường niên năm 2019, số lượng cổ phiếu của cổ đông La Mỹ Phương nắm giữ cổ phiếu VNE là 6.596.789 cổ phiếu, chiếm 7,29% vốn điều lệ.

Căn cứ vào báo cáo về thay đổi sở hữu của Cổ đông lớn của cổ đông PYN ELITE FUND (NON-UCITS) ngày 30/3/2020 đã báo cáo trên thị trường chứng khoán thì tại ngày 24/3/2020, số lượng cổ phiếu của cổ đông PYN ELITE FUND (NON-UCITS) nắm giữ cổ phiếu VNE là 2.250.406 cổ phiếu, chiếm 2,49% vốn điều lệ và không còn là cổ đông lớn của VNECO.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2019, VNECO không phát sinh các đợt tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2016: 1.598.920

Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2017: 8.498.920

Số lượng giao dịch mua vào trong năm 2017: 6.900.000 cổ phiếu

Thời điểm mua vào: từ ngày 16/11/2017 đến ngày 22/11/2017

Mức giá bình quân: 8.423 đồng/cổ phiếu

Phương thức giao dịch: khớp lệnh và thỏa thuận theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán thành phố.



PHẦN III

BẢO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua những chu kỳ thăng trầm trong hơn 30 năm phát triển, VNECO nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững. Chung tay xây dựng một thế giới xanh sạch đẹp là cách thức VNECO chuyển mình để vươn lên trong bối cảnh cạnh tranh và bão hòa của ngành. Chia sẻ giá trị công ty với đội ngũ nhân viên, cổ đông, đối tác và cộng đồng là yếu tố giúp VNECO vững bước trên con đường chinh phục vị trí dẫn đầu.



Định hướng phát triển năng lượng xanh, giảm phát thải, cải thiện môi trường

Việt Nam là quốc gia có cường độ năng lượng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sử dụng năng lượng tại Việt Nam tăng nhanh hơn các nước trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực điện. Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn mang lại các cơ hội và lợi ích kinh tế mới, tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.



Nhận thức được ba xu hướng đang hình thành trong ngành năng lượng toàn cầu bao gồm: Số hóa (kết hợp máy móc với phần mềm, phân tích dữ liệu), Phát điện phân bố (người dùng có thể sản xuất và bán điện vào lưới) và Giảm phát thải (ưu tiên năng lượng tái tạo, nâng cấp và chuyển đổi sang công nghệ sạch cho điện truyền thống để giảm phát thải CO₂); VNECO định hướng mục tiêu trung và dài hạn của tổng công ty sẽ tập trung vào phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bên cạnh mảng xây lắp điện truyền thống, hai lĩnh vực kinh doanh chính có tính chất bổ trợ cho nhau chặt chẽ.

VNECO hiện là chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các dự án năng lượng xanh như: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong, dự án điện mặt trời Vĩnh Long, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2... Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đẩy mạnh đầu tư với vị trí chủ đầu tư và tổng thầu EPC.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tất cả nguyên vật liệu đưa vào các công trình thi công đều được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện thi công. Các nguyên vật liệu đều được thí nghiệm để đánh giá lại trước khi đưa vào sử dụng.

Do đặc thù ngành xây lắp, các nguồn vật liệu đầu vào mang tính chất hóa học cao nên Tổng công ty chưa đầu tư nghiên cứu tái chế để sử dụng lại nguyên liệu sử dụng trong thi công.



Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

Là đơn vị đầu ngành trên lĩnh vực xây lắp điện nên VNECO hiểu rõ ý nghĩa việc tiết kiệm điện năng đối với cộng đồng. Bằng việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng trong việc chiếu sáng cũng như phục vụ công tác, VNECO góp phần giảm hao tổn điện năng sử dụng, toàn thể CBNV VNECO luôn ý thức từ những việc nhỏ như tắt thiết bị khi không sử dụng, đặt điều hòa phòng làm việc ở nhiệt độ hợp lý,... từ đó giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và góp phần giảm lượng điện năng tiêu thụ. Cùng với đó, việc tiêu thụ nước cũng áp dụng các hình thức tiết kiệm tương tự.



Xử lý rác thải

Ý thức bảo vệ môi trường cũng được người lao động thực hiện tốt qua việc tái sử dụng văn phòng phẩm, giấy in nhằm chung tay bảo vệ môi trường. Toàn bộ rác sinh hoạt được phân loại từ các phòng, ban trước khi chuyển cho đơn vị thu gom nhằm tránh đưa các rác thải có hại ra môi trường mực in, bao nilong,...

Nguồn chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt tại văn phòng Tổng Công ty được chỉ định chỗ vứt rác tại mỗi khu vực làm việc và sẽ được đội ngũ vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ vào cuối mỗi ngày làm việc. Vệ sinh lau chùi trong và ngoài phòng làm việc hàng ngày đảm bảo môi trường công tác trong lành. Truyền thông đến toàn bộ CBNV về ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, đặc biệt giấy in, khuyến khích tái sử dụng các văn phòng phẩm còn công năng khai thác. Hợp đồng với công ty môi trường đến thu gom và xử lý rác thải.

Nguồn chất thải từ công trường bao gồm nước thải, khí thải, khói bụi và rác thải xây dựng... được Ban chỉ đạo công trình kiểm soát chặt chẽ các quy định về vệ sinh môi trường. Tuyên truyền CBNV và công nhân công trình sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, không lãng phí. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình bảo hộ lao động.



Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Tổng Công ty luôn ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường. Tổng Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường trong hoạt động của Tổng Công ty. Các dự án thi công đều thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường xã hội tại địa bàn thực hiện, đồng thời đưa giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường và hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, năm 2019, Tổng Công ty bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Thượng do chậm nộp Báo cáo ĐTM (Báo cáo đánh giá tác động môi trường) của Dự án cho Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại văn phòng Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về thu gom và xử lý rác thải. Tại mỗi phòng làm việc đều dán các thông điệp về tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước.

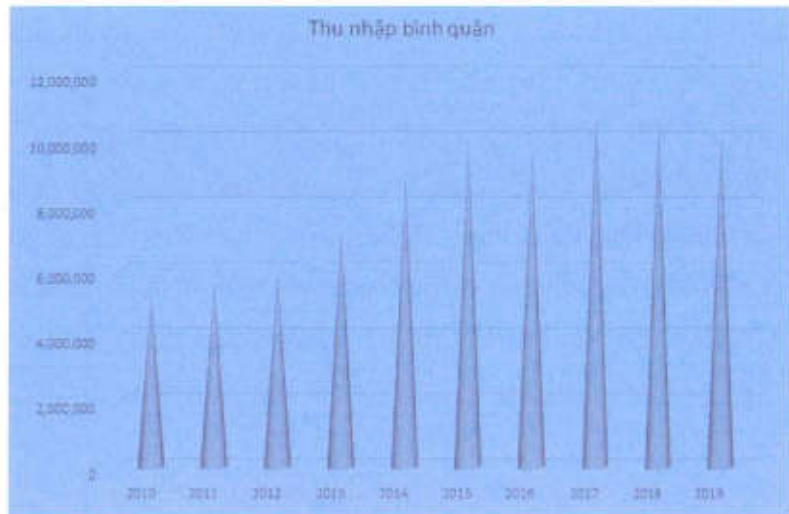
VNECO là đơn vị chuyên về xây lắp các công trình điện (nguồn điện, trạm biếp áp, đường dây), địa bàn hoạt động của Tổng Công ty trải rộng khắp cả nước, khu vực hoạt động chính cũng là khu vực có tác động mạnh đến môi trường là các công trường thi công. Tại các công trình thi công, Trưởng ban chỉ đạo các bộ phận giám sát chặt chẽ môi trường làm việc nhằm tiết kiệm điện, nước và hạn chế tối đa nước thải và bụi bẩn từ các công trình.



Người lao động là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, gắn bó với Tổng Công ty luôn được xem là tài sản quý giá nhất đồng hành cùng sự phát triển bền vững của VNECO. Các chính sách nhân sự luôn hướng đến việc cam kết đồng hành lâu dài giữa công ty và người lao động.

Năm	Thu nhập bình quân
2010	5.281.927
2011	5.681.000
2012	5.995.000
2013	7.300.000
2014	9.017.000
2015	9.989.000
2016	9.747.000
2017	10.925.000
2018	10.720.000
2019	10.304.513



Chăm sóc đời sống người lao động

Không chỉ chú trọng sản xuất kinh doanh, với truyền thống là một DN nhà nước, VNECO không ngừng chăm lo đời sống người lao động để họ yên tâm gắn bó công tác.

Tại Tổng Công ty, hoạt động Công đoàn được tạo nhiều điều kiện thuận lợi. Đây là cơ sở để Công đoàn phát huy vai trò và tham gia cùng lãnh đạo công ty trong việc chăm lo đời sống NLĐ. Công đoàn cơ quan và Công đoàn Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi đồng viên CBNV công tác tại công trường, chúc tết gia đình CBNV đã có những hy sinh cho sự nghiệp đường dây tải điện,...

Thỏa ước lao động tập thể tại công ty có những điều khoản có lợi hơn cho NLĐ so với luật định được quy định trong bản thỏa ước như trường hợp ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột chết được nghỉ 1 ngày hưởng nguyên lương; trường hợp bản thân CBNV ốm đau hoặc gia đình ốm đau được hưởng trợ cấp; khuyến khích con em CBNV học tập và được khen thưởng theo kết quả học tập trong ngày 1/6 hàng năm.

Quy chế dân chủ tại công ty được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tổ chức hội nghị CBNV, đối thoại tại nơi làm việc hàng Quý đảm bảo chất lượng, phát huy quyền làm chủ của CBNV. Các chế độ bảo hiểm cho CBNV, xây dựng thang lương, bảng lương và điều chỉnh thang bảng lương theo quy định của pháp luật... được công ty thực hiện đầy đủ.



Với tiêu chí lấy người lao động làm gốc và cũng là “vốn quý” của mỗi doanh nghiệp nên Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt dành nhiều chính sách nhằm chăm lo tốt nhất cho đời sống của CBNV. Song song với việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, đảm bảo, các hoạt động chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động được Tổng Công ty chăm lo như tổ chức tham quan du lịch, tổ chức các hoạt động thể thao cho người lao động, hỗ trợ CBNV và gia đình khi gặp khó khăn, chăm lo cho con em công nhân lao động...



Đào tạo nâng cao nghiệp vụ và nhận thức trong cuộc sống cho CBNV và con cái của CBNV

Tổng Công ty thường xuyên cử CBNV tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao các kỹ năng mềm trong công tác



Đào tạo Kỹ thuật kéo dây không chạm đất



Gắn kết cùng đơn vị thành viên, nhà thầu phụ, đối tác

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, nên hoạt động kinh doanh của VNECO gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, học tập lẫn nhau trong tổ hợp, tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị và cả tổ hợp.

Tổng Công ty định kỳ tổ chức kiểm toán nội bộ tại các đơn vị thành viên, nhằm cùng nhau tìm ra và giải quyết các vấn đề còn tồn tại mỗi đơn vị, góp phần đưa từng đơn vị và tổ hợp phát triển minh bạch, bền vững.

Giúp cho việc gắn kết giữa các đơn vị một cách minh bạch và hiệu quả, Tổng Công ty ban hành các Quy trình về lựa chọn nhà thầu phụ, nhà cung cấp; Quy trình thanh toán nhà thầu phụ, nhà cung cấp; minh bạch thông tin, hướng tới mục tiêu hợp tác cùng phát triển.



Đồng hành cùng địa phương trong các công tác cộng đồng

Với truyền thống 30 năm trong ngành, đã trải qua nhiều công trình trên khắp cả nước, những người thợ đường dây VNECO thấu hiểu và luôn chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng. Toàn thể người lao động luôn tiên phong trong việc đóng góp ủng hộ đồng bào cả nước bị thiên tai, bão lụt và chung tay cùng các tổ chức nhân đạo từ thiện trong việc hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, bất hạnh và những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang lại niềm vui cho cuộc sống và động viên những hoàn cảnh không may vươn lên. Đó chính là nét nhân văn được xây dựng trong 30 năm qua, là một phần không thể thiếu trong Văn hóa VNECO được định hình cùng thương hiệu.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bộ Tài chính là một trong những bộ, ngành đầu tiên của Việt Nam chính thức ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong đó, trọng tâm là hình thành thị trường huy động vốn xanh phù hợp với thông lệ quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với 3 mục tiêu cụ thể dẫn trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là: (i) tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; (ii) nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; (iii) nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh. Trong đó có 3 nhiệm vụ chiến lược, đó là: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. (ii) Xanh hóa sản xuất (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Hưởng ứng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và định hướng phát triển của Bộ tài chính về thị trường vốn xanh, VNECO đang dần chuyển hướng kinh doanh, mở ra một mũi nhọn mới tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì một nền kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.



PHẦN VI

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình phát triển ngành 61

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 63

Tình hình tài chính 66

Kế hoạch phát triển tương lai 69



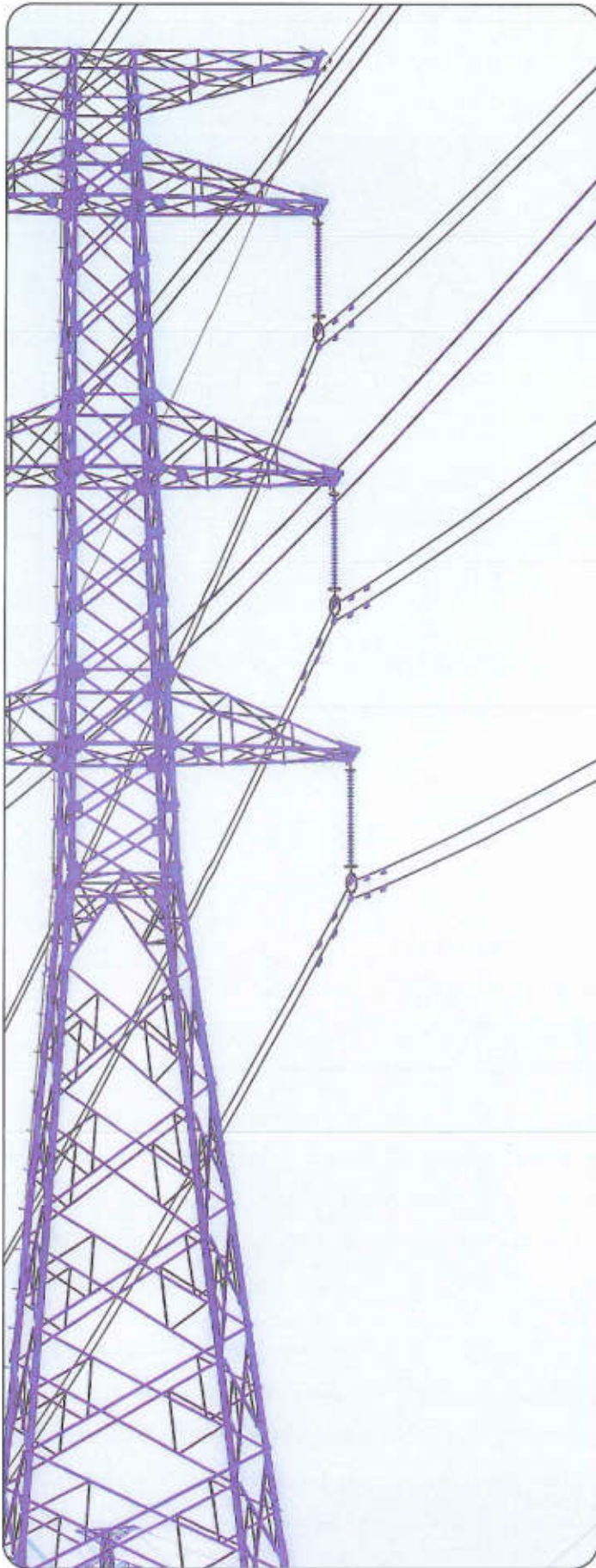
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN NGÀNH XÂY LẮP ĐIỆN

Việt Nam có đặc điểm địa lý hẹp, chiều dài đất nước kéo dài và nhiều hải đảo. Cùng với đó là phân bố các nhà máy điện không đồng đều giữa các khu vực cũng như yếu tố thời tiết làm cho lượng điện phát ra ở các khu vực tập trung nhà máy thủy điện biến động làm cho việc truyền tải điện gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù hệ thống lưới điện đã được đầu tư mạnh mẽ mà điển hình như hai dự án Mạch 1 và Mạch 2 Đz 500kV Bắc-Nam, tuy nhiên việc chênh lệch nguồn cung điện cũng như nhu cầu tiêu thụ điện ở miền Nam tăng nhanh thì phương án khắc phục trong vài năm tới vẫn là truyền tải điện từ miền Bắc vào miền Nam qua hệ thống đường dây 500 kV. Hiện nay, đường dây 500kV từ Pleiku vào miền Nam đã có 3 mạch, khả năng truyền tải lên đến 4.000MW. Giữa miền Bắc và miền Trung hiện nay đang là 2 mạch. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã giao cho Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) làm chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung (CPMB) thay mặt EVN-NPT quản lý dự án đã triển khai khởi công các dự án Đz 500 kV NĐ Quảng Trạch - Vũng Áng và sân phân phối 500 kV TTĐL Quảng Trạch; Đz 500 kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi và Đz 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 (thuộc Mạch 3 Dự án 500kV) của lưới điện Quốc gia từ những ngày cuối tháng 12 năm 2018 và dự kiến sau 20 tháng sẽ phần đầu hoàn thành đưa vào vận hành vào khoảng giữa năm 2020. Quy mô tổng thể của 3 dự án bao gồm: Xây dựng mới gần 742 km đường dây 500 kV mạch kép đi qua 9 tỉnh/ thành phố (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai); Xây dựng mới 08 ngăn lộ 500kV tại sân phân phối Trung tâm Điện lực Quảng Trạch; Mở rộng một số ngăn lộ 500kV tại các trạm biến áp 500 kV Vũng Áng, Dốc Sỏi, Pleiku 2; phải hoàn thành trong tháng 6 năm 2020. Do vậy, đây đang là thời gian cao điểm để các đơn vị thi công, xây dựng đẩy nhanh tiến độ nhằm đảm bảo hoàn thành công trình theo đúng mục tiêu đề ra.





Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, ngày 18/3/2016, Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định số 428/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch điện VII điều chỉnh 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn trong giai đoạn từ 2016 đến 2030. Theo quy hoạch này, giai đoạn 2016-2020 tổng vốn đầu tư lưới điện khoảng 214.665 tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 khoảng 610.477 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh mẽ hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Ngày 01/10/2019, Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định số 1264/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phát triển nguồn điện, lưới điện truyền tải ở cấp điện áp từ 220kV trở lên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045, bao gồm các công trình liên kết lưới điện quốc gia nước láng giềng.

Triển vọng cao, tuy nhiên thực trạng ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các công trình thi công nằm rải rác trên địa bàn cả nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề ngày càng mỏng do cơ cấu, sắp xếp lại. Nhiều công trình do chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và tiến độ cung cấp vật tư chậm và không đồng bộ, bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới và trong nước, cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty như giá cả vật tư đầu vào tăng cao; thiếu vốn đầu tư máy móc thiết bị thi công, hoặc vay trong nước nhưng lãi suất cao,... Đây là những khó khăn chung của các đơn vị ngành xây lắp điện.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm tài chính 2019, tính riêng Công ty mẹ doanh thu và thu nhập đạt 1.125.369 triệu đồng, hoàn thành 92,77% kế hoạch năm và tăng 55,58% so với thực hiện năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 9.573 triệu đồng đạt 22,79% kế hoạch và giảm 77,92% so với cùng kỳ năm 2018.

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	KH 2019	TH 2019	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập	1.213.085	1.125.369	92,77
2	Lợi nhuận sau thuế	42.000	9.573	22,79
3	Chi trả cổ tức (đồng/CP)	500	0	0

Cơ cấu doanh thu

TT	Cơ cấu doanh thu	2018		2019		Tăng trưởng
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	DT hoạt động xây dựng	543.689	73,30%	971.510	78,86%	78,69%
2	DT bán hàng	28.325	3,82%	30.436	2,47%	7,45%
3	DT cung cấp dịch vụ	17.373	2,34%	7.070	0,57%	(59,30)%
4	DT từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	152.047	20,50%	222.888	18,09%	46,59%
5	DT khác	338	0,05%	-	-	-
6	Tổng	741.772		1.231.904		66,08%



- DT hoạt động xây dựng
- DT bán hàng
- DT cung cấp dịch vụ
- DT từ chuyển nhượng BĐS

Năm 2018, doanh thu hoạt động xây dựng đạt 543.689 triệu đồng, chiếm 73,30% cơ cấu tổng doanh thu, doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 152.047 triệu đồng chiếm 20,50% cơ cấu tổng doanh thu. Sang năm 2019, doanh thu hoạt động xây dựng của VNECO ngoài xây lắp đường dây và trạm biến áp còn có hỗ trợ của xây lắp các nhà máy điện mặt trời, nên doanh thu hoạt động xây dựng đạt 971.510 triệu đồng chiếm 78,86% cơ cấu tổng doanh thu và tăng trưởng 78,69% so với cùng kỳ năm 2018; đồng thời doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 222.888 triệu đồng chiếm 18,09% cơ cấu tổng doanh thu và tăng trưởng 46,59% so với cùng kỳ năm 2018. Nhìn chung tổng doanh thu năm 2019 của VNECO đạt 1.231.904 triệu đồng, tăng 66,08% so với cùng kỳ năm 2018.

Các công trình thực hiện đóng điện trong năm:

Năm 2019 cũng là năm gặp nhiều khó khăn thách thức đối với ngành xây lắp điện nói chung và cả Tổ hợp VNECO nói riêng. Với sự nỗ lực của toàn Tổ hợp VNECO, VNECO đã thực hiện đóng điện các công trình đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư như: Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên; TBA 500kV Tân Uyên; Đz 220kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông; Đóng điện đến GD 5 Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây; hoàn thành Nhà máy điện mặt trời HaCom.

Các yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh trong năm 2019:

- Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970/QĐ-BCT ngày 21/12/2016 quyết định về việc công bố định mức chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quyết định này, xây dựng móng của các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương với các công trình xây dựng dân dụng. Đối với các công trình đường dây tải điện cao áp thì phần móng chiếm tỷ trọng từ 30-40% giá trị xây lắp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp các công ty xây lắp điện giảm mạnh dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh bị giảm.

- Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty như: Năm 2019 hoạt động xây lắp 1 số công trình tiếp tục bị vướng công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, vật tư chủ đầu tư cấp chậm và không đồng bộ, phụ thuộc vào tiến độ cắt điện, một số dự án bị trượt thời gian thi công so với kế hoạch ban đầu và giá dự toán các gói thầu xây lắp thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu rất thấp. Trong năm 2019 Tổng Công ty còn gặp một khó khăn từ việc Tòa án nhân dân sơ thẩm và phúc thẩm Tp Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam từ một giao dịch hợp tác hoạt động kinh doanh ngay tình hợp pháp cách đây hơn 10 năm, làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của VNECO trên thương trường và thị trường chứng khoán. Ngày 06/12/2018, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Ngày 27/12/2018, Tổng Công ty cũng đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ để nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

- Bên cạnh đó, sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành cũng ảnh hưởng nhất định đến công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm của Tổng Công ty trong những năm gần đây.

Các yếu tố tác động đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

Yếu tố Khách quan:

- Trình tự Thủ tục và thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đấu tư của Chủ đầu tư bị kéo dài, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, đồng thời ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm của VNECO.

- Yếu tố cạnh tranh: thực tế hiện nay VNECO đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện. Xu hướng phân chia các gói thầu lớn thành nhiều lô nhỏ, giảm tiêu chí năng lực trong đấu thầu do vậy rất nhiều nhà thầu đủ điều kiện để tham gia. Như trước đây, các dự án xây lắp điện 220kV, 500kV chỉ có rất ít nhà thầu lớn đủ năng lực tham gia đấu thầu, thì nay có nhiều nhà thầu đáp ứng đủ năng lực.

- Yếu tố chuyển dịch, thay đổi cơ cấu sản phẩm ngành xây lắp điện: Hiện nay sản phẩm ngành xây lắp điện rất đa dạng, ngoài các dự án là xây lắp đường dây trên không và Trạm biến áp đơn thuần thì còn các sản phẩm khác như Cáp ngầm, dây siêu nhiệt, trạm GIS,... xu hướng ngầm hóa các đường dây 22kV, 110kV, 220kV; thay thế TBA thông thường thành Trạm GIS tại các thành phố lớn; xu hướng xây lắp cải tạo nâng cấp công suất lắp TBA, lắp máy T2, Chống quá tải đường dây, thay dây đường dây cũ trong môi trường mang điện, cung cấp và lắp đặt cột đơn thân,... Nếu không chuẩn bị năng lực, nhân sự kịp theo xu hướng thị trường thì sẽ gặp khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề, dẫn sẽ mất năng lực trong đấu thầu cạnh tranh.

- Nhiều dự án năng lượng tái tạo được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia vào lĩnh vực này và đã có một số kết quả nhất định.

Yếu tố Chủ quan:

- Kỳ vọng lợi nhuận của một số dự án đấu thầu của VNECO đặt ra trước đấu thầu khá cao, đẩy giá dự thầu của VNECO lên cao, trong khi đối thủ cạnh tranh sẵn sàng giảm giá thấp để trúng thầu, do vậy làm giảm cơ hội trúng thầu của VNECO.

- Đối với các gói thầu PC hoặc EPC, phần vật tư (P) không phải là lợi thế của VNECO và phải chào giá qua bên thứ 3, do vậy rủi ro về lãi vay trả trước cho phần vật tư thiết bị sẽ đẩy giá thành lên cao, giảm tính cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.



Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019	Thay đổi
I	Tổng tài sản	1.558.529	1.505.122	1.431.299	(4,90%)
1	Tài sản ngắn hạn	832.372	739.419	718.794	(2,79%)
2	Tài sản dài hạn	726.157	765.703	712.505	(6,95%)
II	Nguồn vốn	1.558.529	1.505.122	1.431.299	(4,90%)
1	Nợ ngắn hạn	605.655	530.201	447.211	(15,65%)
2	Nợ dài hạn	16.006	1.839	3.788	105,98%
3	Vốn chủ sở hữu	936.868	973.082	980.300	0,74%



Tài sản

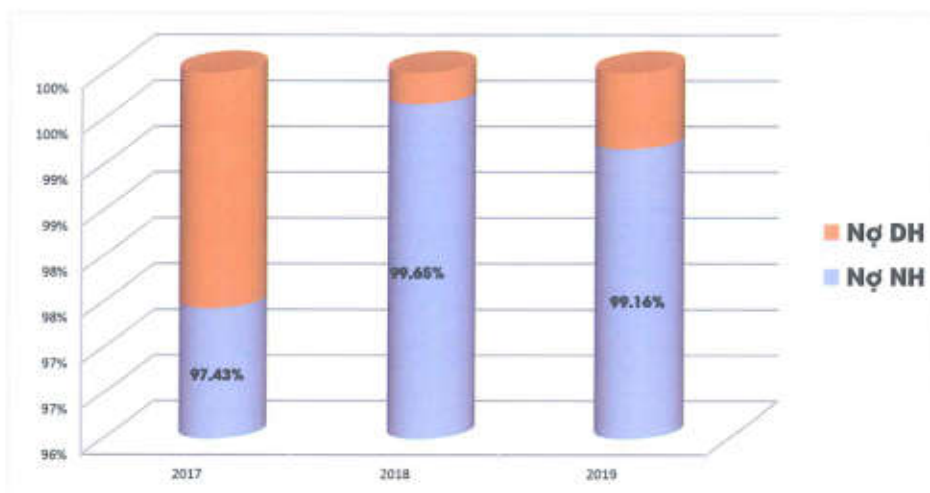
Tổng tài sản VNECO không biến động lớn trong năm, tuy nhiên cơ cấu có sự chuyển dịch. Theo đó, tài sản ngắn hạn năm 2019 đạt 718.794 triệu đồng, giảm 2,79% so với năm 2018, chiếm 50,22% tổng tài sản, cao hơn mức 49,13% năm 2018 và 53,41% năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là doanh thu năm 2019 tăng 66,08% so với năm 2018 dẫn đến các khoản phải thu tăng từ 435.490 triệu đồng năm 2018 lên 482.112 triệu đồng tại thời điểm cuối năm 2019.

Trong năm 2019, Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng bất động sản đầu tư 4 căn nhà 167, 173/3, 173/11/6, 173/11/7 đường Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị trước thuế là 32.024 triệu đồng; đồng thời trong năm 2019 đã thực hiện chuyển nhượng bất động sản đầu tư tại Khu đô thị Mỹ Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn giảm từ 188.246 triệu đồng năm 2018 còn 100.420 triệu đồng tại thời điểm năm 2019 đã đưa tỷ trọng tài sản dài hạn đạt 49,78% tổng tài sản năm 2019.

TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2017	2018	2019
1	DTT/TTS	58,31%	49,28%	86,07%
2	DTT/TSNH	109,19%	100,32%	171,38%
3	DTT/TSND	125,16%	96,87%	172,90%
4	ROA	4,11%	5,51%	0,67%

Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn Tổng Công ty giai đoạn 2016-2019 duy trì mức ổn định và an toàn với tỷ lệ nợ dưới 40% tổng nguồn vốn (năm 2019 tỷ lệ nợ chiếm 31,51% tổng nguồn vốn).



Tính đến cuối năm 2019, tổng nợ VNECO đạt 450.999 triệu đồng giảm 15,23% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 99,16% trong cơ cấu nợ. Cơ cấu nợ ngắn hạn không có sự thay đổi lớn với trọng tâm tập trung vào chỉ tiêu chi phí phải trả ngắn hạn (chiếm 30,78% nợ ngắn hạn) do đặc trưng ngành nghề xây lắp. Vay ngắn hạn trong năm 2019 đạt 120.308 triệu đồng, giảm 24,56% so với năm 2018; vay dài hạn trong năm 2019 đạt 467 triệu đồng.

Vốn chủ sở hữu năm 2019 đạt 980.300 triệu đồng, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm 2018.

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh công ty: không có

Ảnh hưởng của lãi vay đến kết quả kinh doanh công ty: Với đặc thù kinh doanh ngành xây lắp điện nhu cầu vốn lớn, trong khi nguồn vốn giải ngân của chủ đầu tư tương đối chậm nên Tổng Công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn để xoay vòng vốn các công trình. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ luôn được kiểm soát mức hợp lý (dưới 40% tổng tài sản), trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2019 đạt 120.308 triệu đồng, tương đương mức 8,41% tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 467 triệu đồng, tương đương 0,03% tổng tài sản. Tổng nợ vay chiếm 8,44% tổng tài sản và chiếm 13,36% vốn điều lệ. Chi phí lãi vay năm 2019 đạt 13.118 triệu đồng, giảm 28,73% so với cùng kỳ năm 2018, đồng thời các khoản vay của Tổng Công ty được điều chỉnh biên độ thấp và năm 2019 lãi suất thị trường tương đối ổn định.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tái cấu trúc

Tổng Công ty thực hiện phân chia cơ cấu Ban điều hành trực tiếp chỉ đạo công việc thi công, giảm chồng chéo trong công việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm từng khối nghiệp vụ: Chỉ đạo thi công các công trình miền Bắc, Trung, Nam; chỉ đạo công tác đấu thầu; chỉ đạo công tác tài chính; chỉ đạo công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Ở cấp trung, Ban điều hành đã tập trung củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, chú trọng khâu chỉ đạo, điều hành của các phòng, ban chuyên môn.

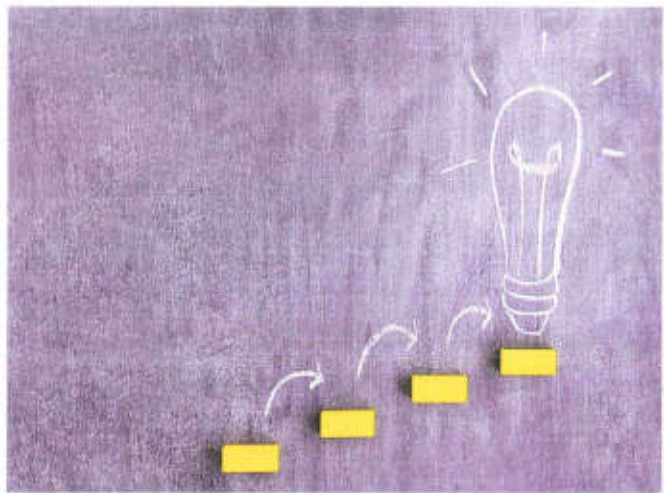
Đối với cấp CBCNV, Ban điều hành thực hiện tuyển chọn đội ngũ lao động trẻ, vững chuyên môn, thợ lành nghề, nhất là có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tích cực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thi công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các biện pháp, xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Mặt khác, tuy có thể mạnh thương hiệu đơn vị uy tín hàng đầu trong nước về thi công lưới điện từ 110kV đến siêu cao áp 500kV, nhưng trong lĩnh vực xây lắp điện thời gian gần đây có sự cạnh tranh quyết liệt nên Tổng Công ty vừa phải nâng cao năng lực, tham gia đấu thầu các dự án, vừa phải mở rộng thị trường tới các điện lực địa phương, đồng thời chuyển dịch thêm năng lượng tái tạo để đảm bảo việc làm, đời sống cho CBCNV.

Áp dụng các phương thức quản lý hiện đại

Tổng Công ty đã nghiên cứu và đang vận hành theo mô hình đánh giá xếp loại CBCNV từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên. Ban điều hành áp dụng nhiều phương pháp quản lý khác như báo cáo tuần, bảng mô tả nhiệm vụ và kế hoạch hành động...

nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc.

Tổng Công ty thực hiện đào tạo và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ KH 2020/TH2019
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.213.085	1.125.369	1.292.167	114,82
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	42.000	9.573	34.800	363,52
3	Tỷ lệ cổ tức	%	5	-	4	
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	904.330	904.330	904.330	100%

Kế hoạch kinh doanh năm 2020 sẽ được trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua trong tháng 6/2020.

Biện pháp thực hiện kế hoạch:

Về công tác điều hành hoạt động xây lắp: Quyết liệt chỉ đạo thi công các công trình đã có danh mục theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

- Tập trung, rà soát, chỉ đạo các công trình đến các đơn vị thi công theo kế hoạch mỗi kỳ 15 ngày và tổng kết mỗi kỳ. Nếu đơn vị nào không hoàn thành kế hoạch đã đăng ký sẽ xem xét điều chuyển khối lượng cho các đơn vị khác và làm cơ sở để giao khoán khối lượng các công trình sau;
- Kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng thi công, công tác an toàn thi công;
- Tăng cường năng lực công tác đến bù giải phóng mặt bằng, sự phối hợp giữa Ban chỉ đạo và các đơn vị thi công để đảm bảo hiệu quả công trình;
- Tăng cường đầu tư nhân lực, máy móc hiện đại, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ;
- Cũng cố và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng hiện tại, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác nhằm tạo kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực mới.
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm; thay đổi cơ chế quản lý theo hướng tiết kiệm chi phí nhằm thích ứng với điều kiện cạnh tranh trên thị trường;
- Tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ tiêu đã giao cho các Ban chỉ đạo các miền: mỗi Ban chỉ đạo phải tìm kiếm các dự án ngoài NPT là 200 tỷ đồng.
- Định hướng và xây dựng lực lượng chuyên nghiệp để triển khai thi công các dự án điện mặt trời vì đây là lĩnh vực mới rất tiềm năng.
- Xây dựng lực lượng, đầu tư máy móc phục vụ thi công điện mặt trời.
- Cảnh báo sớm các công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời.
- Tập trung điều hành một số công trình trọng điểm 2020: Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (tháng 6/2020); Đz 500kV NMD Nghi Sơn 2 (tháng 6/2020); Đz 110kV Hòa Thắng - Lương Sơn - Mũi Né; TBA 500kV Đức

Công tác Tài chính - Kế toán: Một số giải pháp nhằm ổn định tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả SXKD cho năm 2020 và các năm tiếp theo, Bao gồm:

- Xây dựng bổ sung ban hành các văn bản quản lý tài chính nội bộ như: sửa đổi quy chế tài chính; sửa đổi quy định chế độ công tác phí và thủ tục tài chính; quy định công tác mua sắm vật tư tài sản, công cụ dụng cụ, thiết bị công trình; quy định về công tác thu hồi vốn từ chủ đầu tư, thanh toán vốn cho nhà thầu và thu xếp vốn cho VNECO và các bên liên quan.
- Giải quyết dứt điểm các thủ tục pháp lý nhằm đủ điều kiện chuyển nhượng các dự án BĐS tại TP HCM hoặc lập phương án kinh doanh nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn cho phần vốn đã đầu tư.
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài sản, các khoản đầu tư tài chính theo phương án tìm kiếm đối tác chuyển nhượng phần vốn đầu tư tại các cơ sở kinh doanh hiệu quả thấp.
- Thực hiện quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát các chi phí nhằm tăng hiệu quả SXKD.
- Nghiên cứu tái cấu trúc hợp lý các khoản mục đầu tư tài chính theo phương án linh hoạt thoái vốn hoặc đầu tư bổ sung vào một số đơn vị trong, ngoài tổ hợp theo định hướng phát triển trung, dài hạn và mang lại hiệu quả cho Tổng Công ty.
- Xem xét lại tất cả các dự án đã và đang triển khai, các tài sản chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả trình HĐQT/ĐHĐCĐ quyết định chuyển nhượng nhằm hiện thực hóa dòng tiền để tập trung nguồn lực tài chính ưu tiên cho sự phát triển theo đúng định hướng chiến lược của Tổng Công ty trong thời gian tới.
- Ưu tiên nguồn lực tài chính đầu tư trang thiết bị, nhân lực nhằm từng bước tham gia sâu rộng vào các dự án năng lượng tái tạo.
- Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, đẩy mạnh công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị.

Về công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình

- Tiếp tục nâng cao trình độ thi công lắp đặt trạm biến áp và tìm hiểu thêm về lĩnh vực xây lắp điện gió để đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thi công cho một số đơn vị thi công; Cập nhật biện pháp thi công, những quy định mới hoàn chỉnh các quy trình quản lý chất lượng, kỹ thuật, an toàn lao động về xây lắp đường dây và trạm điện gió, điện mặt trời; Phổ biến/hướng dẫn cho các đơn vị nhằm tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình; Tổ chức vận hành công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình quản lý chất lượng. Để ngăn chặn tình trạng làm ẩu, làm kém chất lượng, Tổng Công ty sẽ kiên trì duy trì hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng hạng mục công việc, các Ban chỉ đạo tăng cường công tác nghiệm thu nội bộ, giảm bớt những sai sót do chủ quan, không phải sửa sai nhiều làm ảnh hưởng đến tiến độ và tăng chi phí; Phối hợp giám sát chủ đầu tư để cùng kiểm tra kiểm soát chất lượng công trình ngay từ khâu vật liệu đầu vào đến khi kết thúc công việc.
- Các Ban Chỉ đạo thường xuyên cập nhật tiến độ thi công hàng tuần các công trình áp dụng các công nghệ như ZALO, VIBER. Bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với đơn vị thi công chuẩn bị trước hồ sơ nghiệm thu, đến khi triển khai nghiệm thu sẽ tổ chức nghiệm thu ngoài hiện trường song song với việc hoàn thiện hồ sơ để rút ngắn thời gian của quá trình này.

- Tăng cường kiểm tra công tác an toàn, bảo hộ lao động, Tổng Công ty đã trang bị thêm một số dụng cụ thi công kéo dây vượt đường dây trung và hạ áp, kéo vượt sông.... Kiên quyết xử lý những đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về công tác an toàn, kiểm tra thường xuyên biện pháp thi công của đơn vị (nhân lực, dụng cụ thi công, PATCXD, biện pháp an toàn lao động...). Đặc biệt trong hạng mục lắp dựng cột, rải căng dây.

- Trong năm 2020, tiếp tục áp dụng rộng rãi công tác kéo dây theo công nghệ mới “kéo dây không chạm đất” trong tổ hợp tại các đường dây đang thi công nhằm nâng cao chất lượng công trình, tăng năng suất, giảm thiểu về công tác đền bù.

- Hiện nay việc thi công kéo dây giao chéo với các đz 220kV, 110kV không cho cắt điện nên bộ phận kỹ thuật phải không ngừng xem xét, cải tiến để tham mưu các biện pháp thi công phù hợp với từng địa hình đảm bảo tiến độ thi công an toàn nhất và tiết kiệm kinh phí.

Về công tác tổ chức nhân sự và đào tạo

Kiện toàn lại công tác nhân sự theo hướng tinh giảm và tinh nhuệ; đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh;

Hoàn thiện mô hình tổ chức, sửa đổi, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ phục vụ công tác chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015;

Bổ sung, điều chỉnh thang, bảng lương các vị quản lý, CBCNV, bổ sung cơ chế trả lương để phù hợp với hoạt động Tổng Công ty và đáp ứng quy định pháp luật lao động, BHXH, quy định về thuế hiện hành;

Tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục, hồ sơ về việc cấp chứng chỉ hoạt động lĩnh vực điện mặt trời; hồ sơ cá nhân thi cấp chứng chỉ hạng I cho một số kỹ sư

Xây dựng Quy định đánh giá kết quả công việc để làm căn cứ tính trả lương theo hiệu quả công việc. Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch nguồn quỹ tiền lương năm 2019;

Thực hiện một số nội dung công tác tổ chức, bổ sung cơ chế hoạt động, nhân sự, chế độ chính sách đối với: 02 Chi nhánh.

Phối hợp thực hiện về công tác tổ chức, nhân sự đối với các Cty TNHH MTV về mô hình tổ chức, bố trí nhân sự, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động.

Theo dõi giải quyết chế độ CBNV đi công tác tại các Ban chỉ đạo; Giải quyết tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động (BHXH, BHTN, các chế độ khác).

Công tác quản trị Công ty niêm yết: Công tác tổ chức, nhân sự, cổ đông, báo cáo 6 tháng, năm 2020

Thực hiện kịp thời yêu cầu công việc và quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

(xem Phần 3 Báo cáo môi trường xã hội)

PHẦN V

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu điện năng ngày càng gia tăng kéo theo tăng trưởng của ngành xây lắp điện trong đó có sự gia tăng trong nhu cầu lắp máy phát điện, trạm biến áp và đường dây tải điện. Để đảm bảo cho nhu cầu điện tăng nhanh, Quy hoạch điện VII điều chỉnh năm 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn cho giai đoạn 2016-2030. Tổng mức đầu tư lưới điện giai đoạn 2016-2020 là 214.665 tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 610.477 tỷ đồng, tạo cơ hội cho ngành xây lắp điện tăng trưởng cao đến năm 2030.

Tuy nhiên Quyết định 4970/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/12/2016 quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của các đơn vị trong ngành nói chung và VNECO nói riêng, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp đạt rất thấp so với các năm trước.

Với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV và định hướng dịch chuyển trong cơ cấu ngành nghề, năm 2019 tổ hợp VNECO đạt 1.231.903 triệu đồng doanh thu và 9.893 triệu đồng lợi nhuận sau thuế; Công ty mẹ đạt 1.120.194 triệu đồng doanh thu và 9.5473 triệu đồng lợi nhuận sau thuế; chỉ tiêu doanh thu và thu nhập đạt 92,77% và lợi nhuận sau thuế đạt 22,79 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đặt ra.

Trong năm 2019, mọi hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã song hành cùng Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn chung của ngành, Ban điều hành vẫn chưa có những biện pháp ứng phó kịp thời dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2019 không đạt như kế hoạch.



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Nhìn chung năm 2019, HĐQT đã quản lý, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc điều hành việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT thông qua các hình thức:

- Công tác báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2018, Báo cáo thường niên năm 2018, Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty;
- Tổ chức kỳ họp thường niên năm 2019 của ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Theo dõi, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, giữa niên độ và năm 2019; Giám sát công tác Báo cáo tài chính hàng quý trong năm 2019; Giám sát công tác điều hành hàng ngày, công tác tổ chức thi công các công trình trọng điểm như Đường dây 500kV mạch 3: Quảng Trạch - Dốc Sỏi (đoạn từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế), ĐZ 500kV đấu nối nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia, ĐZ 500kV Sông Máy-Tần Uyên (Lô 11.2), Trạm biến áp 500kV Đức Hòa, Thi công xây dựng dự án Nhà máy Điện mặt trời Điện lực miền Trung, Thi công xây dựng dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Nam- Đức Long và các dự án khác.
- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung để soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT. Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2019;
- Thành lập Chi nhánh miền Bắc của Tổng Công ty;
- Triển khai một số nội dung về công tác chuẩn bị đấu tư dự án Nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, phương án sử dụng vốn, công tác kiểm toán và hoạt động đầu tư các dự án của Tổng Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý của Tổng Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

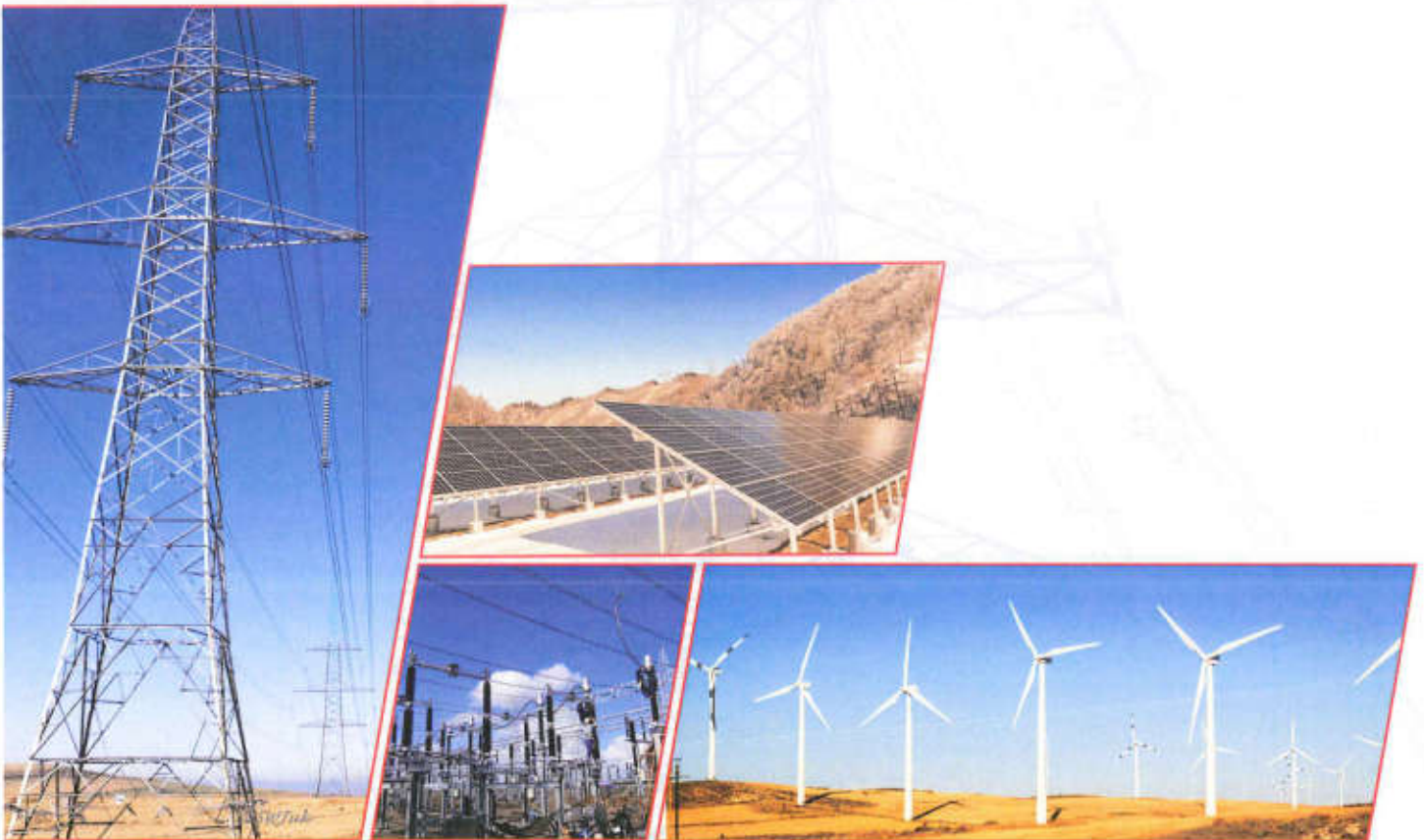
Hội đồng quản trị nhất trí cao về các chỉ tiêu về định hướng kinh doanh cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện khối lượng chuyển tiếp từ năm 2019 sang như: Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi, Đz 500kV Nghi Sơn 2, Đz Mỹ Tho - Đức Hòa, Đz Đầu Nối TBA Đức Hòa (lô 18.1), TBA Đức Hòa, Đz 220kV Hải Dương - Phố Nối, Đz & TBA 110kV Tĩnh Gia 2, Đz 110kV Cầu Bông - Bình Tân, Đz 110kV Hòa Thắng - Lương Sơn - Mũi Né, Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây, Đz & TBA 110kV Sông Cầu 2... với doanh thu dự kiến hơn 1.292 tỷ đồng, tạo điều kiện việc làm cho năm 2020;

Hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty trong những năm tới, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xác định chiến lược của Tổng Công ty là đầu tư để làm chủ một số dự án nguồn điện năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, tham gia sâu rộng vào lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, nhằm từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp các công trình điện truyền thống. Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị của tổ hợp VNECO, năm 2020, Hội đồng quản trị từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, Quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị trong công tác điều hành và giám sát nhằm kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong toàn tổ hợp Công ty Mẹ - Công ty con, đảm bảo tối đa lợi ích cho cổ đông.



PHẦN VI QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	77
Ban kiểm soát	79
Thù lao HĐQT, BKS	82



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2017	Ghi chú
1	Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên	
3	Ông Phan Anh Quang	Thành viên	
4	Ông Ngô Văn Cường	Thành viên	
5	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên	
6	Ông Trần Quang Cán	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên	Đã mất ngày 03/8/2019

Ông Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (xem mục Ban điều hành)

Ông Ngô Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (xem mục Ban điều hành)

Ông Nguyễn Tịnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (xem mục Ban điều hành)

Ông Phan Anh Quang - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (xem mục Ban điều hành)

Ông Trần Quang Cán - Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng (xem mục Ban điều hành)

Ông Lê Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 05/08/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:



Thời gian	Vị trí
01/2000-06/2002	Cán bộ tín dụng NH Liên doanh Shinnhan Bank Hà Nội
06/2002-05/2005	Du học tại California State University
06/2005-11/2007	Trưởng phòng kinh doanh, phó giám đốc CTCP Quốc tế APEX
12/2007 - 15/7/2017	Trưởng phòng đầu tư, PGD Công ty TNHH chứng khoán Vietcombank
từ 15/7/2017 - nay	Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Vietcombank
06/2016 - nay	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

Ông Nguyễn Đậu Thảo - Thành viên Hội đồng quản trị

Theo thông báo số 1427 TB/VNECO-TCNS ngày 05/8/2019 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, từ ngày 03/8/2019 Ông Nguyễn Đậu Thảo không còn là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty, lý do: Ông Nguyễn Đậu Thảo đã từ trần hồi 10 giờ 50 phút ngày 03/8/2019.

Tiểu ban HĐQT

HĐQT thành lập Ban tái cấu trúc tài sản, đầu tư tài chính. Nhiệm vụ của Ban: Lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Phương án tái cấu trúc tài sản- đầu tư tài chính của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt.

Hoạt động của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT	25/11/2015	6/6	100%	
2	Nguyễn Tịnh	Ủy viên HĐQT	25/5/2015	6/6	100%	
3	Phan Anh Quang	Ủy viên HĐQT	25/5/2015	6/6	100%	
4	Lê Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	03/6/2016	5/6	83%	Do bận công tác và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT
5	Ngô Văn Cường	Ủy viên HĐQT	13/6/2017	6/6	100%	
6	Trần Quang Cấn	Ủy viên HĐQT	31/7/2017	6/6	100%	
7	Nguyễn Đậu Thảo	Ủy viên HĐQT	31/7/2017	4/6	67%	Đã mất ngày 03/8/2019

Các nghị quyết và quyết định trong năm 2019 của HĐQT:

TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01 QĐ/VNECO -HĐQT	28/01/2019	V/v Thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong theo ủy quyền của ĐHĐCĐ
2	05 QĐ/VNECO -HĐQT	29/03/2019	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
3	06 QĐ/VNECO -HĐQT	29/03/2019	Thành lập chi nhánh miền Bắc của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
4	07 QĐ/VNECO -HĐQT	29/03/2019	Về việc bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh miền Bắc
5	08 NQ/VNECO -HĐQT	15/05/2019	Về việc thời gian họp ĐHĐCĐ và Phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2019
6	22 NQ/VNECO -HĐQT	29/06/2019	Về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2018
7	24 NQ/VNECO -HĐQT	29/06/2019	V/v chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung để soát xét BCTC 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2019
8	26 NQ/VNECO -HĐQT	18/09/2019	V/v thống nhất chủ trương sử dụng một số tài sản đảm bảo đối với khoản vay tại Ngân hàng
9	27 NQ/VNECO -HĐQT	19/11/2019	V/v phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2019

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2019, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia các cuộc họp HĐQT là Ông Nguyễn Đậu Thảo (tham gia 4/6 cuộc họp) và Ông Lê Mạnh Hùng (tham gia 5/6 cuộc họp và 1 cuộc họp uỷ quyền cho Chủ tịch HĐQT).

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định và đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty; tham gia các khóa tập huấn/hội thảo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào thời điểm phù hợp.

Ban Kiểm soát

Cơ cấu thành viên và sơ yếu lý lịch:

Ông Lê Chí Dũng – Trưởng Ban Kiểm soát



Ông Lê Chí Dũng
Trưởng ban kiểm soát

Năm sinh: 04/08/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính – Kế Toán

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2019: 21.450 cổ phần - tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ

1992 - 1996	Cán bộ phòng Tài Chính Kế Toán – Công ty Xây lắp điện 3
1996 - 1999	Kế toán trưởng Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2000 - 2001	Phó giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2004	Giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Đà Nẵng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
2007 - 2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2008 - 2009	Phó Giám đốc Khách sạn Green Plaza - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2009 - 2015	Phó phòng Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2015 - nay	Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

- Đảm bảo hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, của Tổng Công ty, ban điều hành và bộ máy giúp việc, không gây gián đoạn trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, quy định của Điều lệ Tổng Công ty về hoạt động kinh doanh;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018 và quý I, II, III, IV năm 2019;
- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty.

HĐQT, Ban điều hành, các cổ đông Tổng công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của Tổng Công ty bám sát Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT để thực hiện công việc chuyên môn nhằm minh bạch hóa các giá trị thực hiện theo kế hoạch hàng năm Tổng Công ty

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác:

Tất cả các cuộc họp HĐQT Tổng Công ty, Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và tại cuộc họp, Ban Kiểm soát có điều kiện trao đổi những ý kiến riêng về các công việc HĐQT bàn và triển khai. Những nhận xét của Ban Kiểm soát đối với các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty, giúp cho Tổng Công ty lượng hóa và tránh rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD.

Đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý trong Tổng Công ty, Ban Kiểm soát cũng được tham gia các buổi họp giao ban tuần và các cuộc họp bàn về hoạt động SXKD của Công ty mẹ và tổ hợp VNECO. Ban Kiểm soát đã có điều kiện để tham gia các ý kiến trên phương diện quản lý, với mục đích các hoạt động kinh doanh Tổng Công ty luôn phù hợp luật quy định và tôn trọng lợi ích cổ đông, thông qua việc điều hành từ Ban lãnh đạo đến các phòng, ban nghiệp vụ Tổng Công ty.

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban và sẵn sàng cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đảm bảo quy trình quản trị Tổng Công ty và minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Năm 2019, Trưởng ban Kiểm soát cùng tham gia với đoàn Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty xem xét đánh giá các hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết trong tổ hợp VNECO.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp nhằm đánh giá các hoạt động, công tác quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2019.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Lê Chí Dũng	Trưởng ban	25/5/2015	4/4	100%	
2	Lê Minh Tuấn	Thành viên	25/5/2015	4/4	100%	
3	Bừu Nguyễn Vinh Nguyễn	Thành viên	30/5/2018	4/4	100%	

Giao dịch, thù lao HĐQT, BDH, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương và ăn ca	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000		
Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên HĐQT	30.000.000		
Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Ban kiểm soát				
Lê Chí Dũng	Trưởng BKS	285.889.560	6.960.000	
Lê Minh Tuấn	Thành viên BKS	36.000.000		
Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyên	Thành viên BKS	36.000.000		
Ban điều hành				
Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc		971.537.076	
Ngô Văn Cường	Phó Tổng GD		594.912.250	
Nguyễn Tịnh	Phó Tổng GD		610.289.384	
Trần Văn Huy	Phó Tổng GD		594.912.250	
Lê Văn Khôi	Phó Tổng GD		610.115.046	
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng GD		543.466.228	
Phan Anh Quang	Phó Tổng GD		610.289.384	
Trần Quang Cần	Kế toán trưởng		516.685.686	

Giao dịch cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	La Mỹ Phương	Cổ đông lớn	4.842.970	5,36	6.596.789	7,29	Do mua 1.753.819 CP VNE

Căn cứ vào báo cáo về thay đổi sở hữu của Cổ đông lớn của cổ đông PYN ELITE FUND (NON-UCITS) ngày 30/3/2020 đã báo cáo trên thị trường chứng khoán thì tại ngày 24/3/2020, số lượng cổ phiếu của cổ đông PYN ELITE FUND (NON-UCITS) nắm giữ cổ phiếu VNE là 2.250.406 cổ phiếu, chiếm 2,49% vốn điều lệ và không còn là cổ đông lớn của VNECO

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, công ty liên kết trong Tổ hợp VNECO chủ yếu về hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả Tổ hợp VNECO và đây là những phát sinh thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT-VNECO ngày 31/7/2017 của HĐQT về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy định của Luật doanh nghiệp.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam luôn tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ công ty.

Vấn đề khác:

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2018, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Ngày 27/12/2018, Tổng Công ty cũng đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ để nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 nhưng đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Tổng Công ty gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Đạu Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 03/08/2019)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và các Công ty con (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 10 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 06/12/2018 Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm soát Nhân dân tối cao, tiếp đó ngày 27/12/2018 Tổng Công ty đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Trần Dương Nghĩa

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Kim Văn Việt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		718.794.874.463	739.418.982.620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	44.326.568.573	125.956.918.242
1. Tiền	111		33.054.709.954	119.209.263.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.271.858.619	6.747.655.139
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.200.421.400	1.200.842.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	4.2	(2.590.452)	(2.169.052)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.3	1.200.000.000	1.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482.112.202.268	435.490.173.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.4	339.615.497.675	196.370.792.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	100.392.156.395	140.982.087.365
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.6	-	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.7	208.569.774.502	249.183.050.878
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.8	(166.465.226.304)	(151.145.756.729)
IV. Hàng tồn kho	140	4.9	130.371.668.337	122.850.553.532
1. Hàng tồn kho	141		130.449.560.013	122.928.445.208
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(77.891.676)	(77.891.676)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.784.013.885	53.920.494.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	225.944.301	138.302.800
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.914.261.145	51.335.924.375
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.19	3.643.808.439	2.446.267.138
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		712.505.003.713	765.703.381.443
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	372.167.609	372.167.609
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.8	(372.167.609)	(372.167.609)
II. Tài sản cố định	220		90.302.267.529	89.132.516.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.11	64.822.537.826	68.387.823.707
Nguyên giá	222		167.780.397.865	163.366.504.340
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.957.860.039)	(94.978.680.633)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	25.479.729.703	20.744.693.249
Nguyên giá	228		28.529.143.848	23.405.043.848
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.049.414.145)	(2.660.350.599)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.13	222.390.124.834	190.366.247.375
- Nguyên giá	231		222.390.124.834	190.366.247.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		358.159.949.552	441.506.880.543
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.14	100.420.230.884	188.246.971.519
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.15	257.739.718.668	253.259.909.024
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		37.808.508.450	38.076.507.783
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.16	6.062.842.901	5.995.140.268
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.16	33.204.010.541	33.204.010.541
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.16	(4.688.344.992)	(1.172.643.026)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.3	3.230.000.000	50.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.844.153.348	6.621.228.786
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	3.844.153.348	6.621.228.786
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.431.299.878.176	1.505.122.364.063
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		450.999.669.700	532.039.630.153
I. Nợ ngắn hạn	310		447.211.489.302	530.200.908.117
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.17	55.670.095.985	38.209.924.856
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.18	100.075.690.473	252.640.426.427
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.19	4.621.405.085	1.782.020.877
4. Phải trả người lao động	314		18.688.931.870	12.170.694.215
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.20	137.641.143.458	44.187.618.987
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.21	5.679.063.695	13.736.349.150
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.24	120.308.461.147	159.482.683.986
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.22	432.516.709	1.953.401.158
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.094.180.880	6.037.788.461
II. Nợ dài hạn	330		3.788.180.398	1.838.722.036
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.24	467.800.037	127.044.037
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	4.23	2.804.428.488	1.711.677.999
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.22	515.951.873	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		980.300.208.476	973.082.733.910
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.25	980.300.208.476	973.082.733.910
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(88.867.037.290)	(88.867.037.290)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.755.213.872	16.746.426.087
6. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	420		142.260.808	133.473.023
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		112.648.845.193	104.990.615.770
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		102.755.114.472	61.529.928.955
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.893.730.721	43.460.686.815
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.669.050.820	26.127.381.247
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.431.299.878.176	1.505.122.364.063



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Trần Quang Cản
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.231.903.550.620	741.772.008.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.231.903.550.620	741.772.008.919
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.133.625.776.620	690.401.163.346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.277.774.000	51.370.845.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.460.630.176	181.333.746.685
7. Chi phí tài chính	22	5.4	16.636.229.473	21.043.357.579
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.118.591.647</i>	<i>18.407.272.192</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	4.16	67.702.633	(9.896.367.064)
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	1.270.726.123	32.844.175.024
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	67.074.391.919	77.177.253.529
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.824.759.294	91.743.439.062
12. Thu nhập khác	31	5.7	5.051.762.213	4.685.211.033
13. Chi phí khác	32	5.8	2.806.169.353	20.824.110.824
14. Lợi nhuận khác	40		2.245.592.860	(16.138.899.791)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.070.352.154	75.604.539.271
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	6.314.424.699	3.871.538.955
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.092.750.489	(11.292.045.003)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.663.176.966	83.025.045.319
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.893.730.721	84.427.703.315
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(230.553.755)	(1.402.657.996)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.25.5	121	1.003
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.25.6	121	1.003



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Trần Quang Cán
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Tổng Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101450 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 05 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 904.329.530.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	71.497.060.000	7,91%	71.497.060.000	7,91%
Bà La Mỹ Phượng	65.967.890.000	7,29%	48.429.700.000	5,36%
Các cổ đông khác	681.875.380.000	75,40%	699.413.570.000	77,34%
Cổ phiếu quỹ	84.989.200.000	9,40%	84.989.200.000	9,40%
Cộng	904.329.530.000	100%	904.329.530.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

STT Tên	Địa chỉ
Đơn vị trực thuộc	
1. Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
2. Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	28/1/10 Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3. Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN miền Bắc	2A2 Đám Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2019 là: 164 người (tại ngày 31/12/2018 là 128 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất; kinh doanh xăng dầu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử, viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; hóa mỹ phẩm; kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ; kinh doanh đồ dùng cá nhân, gia đình;
- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5. Các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	Khối 3, P. Trung Đô, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	52,93%	52,93%	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	Số 197 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	54,73%	54,73%	54,73%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	55,93%	55,93%	55,93%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	65,73%	65,73%	65,73%
5.	Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
6.	Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
7.	Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long	174 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường 9, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	100,00%	100,00%	100,00%
8.	Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ
	Đơn vị trực thuộc	
1.	Khách sạn Xanh Đà Nẵng Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	Số 64 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
2.	- CN Thành phố Hồ Chí Minh Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	28/1/10 Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3.	- CN miền Bắc	2A2 Đàm Trầu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tổng Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tổng Công ty được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tổng Công ty và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tổng Công ty được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Theo đó, Tổng Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Năm 2019</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo gồm: khoản trích bổ sung chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi căn cứ vào lãi suất được quy định trên Hợp đồng tín dụng; Chi phí công trình trích trước theo tỷ lệ chi phí của các hợp đồng đã nghiệm thu, bàn giao; các chi phí phải trả khác: được xác định dựa vào hóa đơn, chứng từ về sau.

3.14. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng đầu tư tài chính và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bao gồm chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty dự định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.917.887.974	677.143.491
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.136.821.980	118.532.119.612
Các khoản tương đương tiền	11.271.858.619	6.747.655.139
Cộng	44.326.568.573	125.956.918.242

4.2. Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2019 VND			Tại ngày 01/01/2019 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9	3.011.852	421.400	(2.590.452)	3.011.852	842.800	(2.169.052)
Cộng	3.011.852	421.400	(2.590.452)	3.011.852	842.800	(2.169.052)

4.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Dài hạn:				
Trái phiếu	3.230.000.000	3.230.000.000	50.000.000	50.000.000
Cộng	3.230.000.000	3.230.000.000	50.000.000	50.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư và XD điện Hải xuân VNECO	56.368.465.234	56.368.465.234
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	100.302.263.421	4.063.937.773
Ban QLDA lưới điện - Tổng Công ty điện lực Miền Trung	61.293.299.315	4.444.566.658
Ban QLDA lưới điện Hà Nội	-	-
Các đối tượng khác	121.651.469.705	131.133.705.367
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	-	360.117.187
Cộng	339.615.497.675	196.370.792.219
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	372.167.609	372.167.609
Cộng	372.167.609	372.167.609

4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán:		
Bộ Chỉ huy Quân sự - TP. Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty TNHH Nhật Tâm Gia	12.760.224.716	13.018.580.653
Công ty Cổ phần Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	1.592.066.857	23.652.902.651
Các đối tượng khác	57.123.991.090	75.426.628.373
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	3.422.851.005	3.390.952.961
Cộng	100.392.156.395	140.982.087.365

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

4.6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Các đối tượng khác	-	100.000.000
Cộng	-	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	43.517.715.546	43.517.715.546	73.547.715.546	73.547.715.546
Tạm ứng	77.265.600.016	-	70.870.369.797	-
Phải thu tiền đến bù chi hộ	9.732.999.200	27.676.000	20.620.313.962	27.676.000
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	-	-
Lãi dự thu	122.708.082	-	28.311.415	-
Các khoản phải thu khác	11.404.893.325	8.789.473.395	17.595.481.825	8.789.473.395
Cộng	208.569.774.502	118.855.723.274	249.183.050.878	148.885.723.274

4.8. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	177.678.813.983	10.841.420.070	207.886.389.572	56.368.465.234
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Cộng	177.678.813.983	10.841.420.070	207.886.389.572	56.368.465.234

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	-	Trên 3 năm	66.520.858.333	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	43.517.715.546	-	Trên 3 năm	73.547.715.546	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	67.640.240.104	10.841.420.070		67.817.815.693	56.368.465.234	
Cộng	177.678.813.983	10.841.420.070		207.886.389.572	56.368.465.234	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.031.218.986	33.762.087	6.996.157.411	33.762.087
Công cụ, dụng cụ	128.978.121	1.878.552	168.588.571	1.878.552
Chi phí SX, KD dở dang	109.009.150.844	-	104.316.714.555	-
Thành phẩm	11.201.021.206	42.251.037	11.336.112.584	42.251.037
Hàng hóa	79.190.856	-	110.872.087	-
Cộng	130.449.560.013	77.891.676	122.928.445.208	77.891.676

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 96.982.584 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 15.696.245.865 đồng.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	112.393.354	87.439.233
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	113.550.947	50.863.567
Cộng	225.944.301	138.302.800
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	3.253.277.202	5.550.709.475
Chi phí trả trước dài hạn khác	590.876.146	1.070.519.311
Cộng	3.844.153.348	6.621.228.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	79.192.557.734	51.593.519.880	31.823.953.226	756.473.500	163.366.504.340
Tăng trong năm	49.454.545	4.574.288.428	3.007.427.273	-	7.631.170.246
Đầu tư XD/CB h/thành	75.483.273	11.275.208	-	-	86.758.481
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.304.035.202)	-	(3.304.035.202)
Tại ngày 31/12/2019	<u>79.317.495.552</u>	<u>56.179.083.516</u>	<u>31.527.345.297</u>	<u>756.473.500</u>	<u>167.780.397.865</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	38.537.803.441	35.199.954.186	20.648.318.641	592.604.365	94.978.680.633
Khấu hao trong năm	5.037.825.057	3.512.286.712	2.458.040.210	52.358.266	11.060.510.245
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.081.330.839)	-	(3.081.330.839)
Tại ngày 31/12/2019	<u>43.575.628.498</u>	<u>38.712.240.898</u>	<u>20.025.028.012</u>	<u>644.962.631</u>	<u>102.957.860.039</u>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	40.654.754.293	16.393.565.694	11.175.634.585	163.869.135	68.387.823.707
Tại ngày 31/12/2019	<u>35.741.867.054</u>	<u>17.466.842.618</u>	<u>11.502.317.285</u>	<u>111.510.869</u>	<u>64.822.537.826</u>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 48.210.551.186 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 51.687.105.375 đồng.

4.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bảng sáng chế VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2019	22.866.207.528	50.086.320	488.750.000	23.405.043.848
Mua trong năm	6.030.000.000	-	90.450.000	6.120.450.000
Tặng khác	3.650.000	-	-	3.650.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.000.000.000)	-	-	(1.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	<u>27.899.857.528</u>	<u>50.086.320</u>	<u>579.200.000</u>	<u>28.529.143.848</u>
Khấu hao:				
Tại ngày 01/01/2019	2.136.514.279	50.086.320	473.750.000	2.660.350.599
Khấu hao trong năm	385.313.546	-	3.750.000	389.063.546
Tại ngày 31/12/2019	<u>2.521.827.825</u>	<u>50.086.320</u>	<u>477.500.000</u>	<u>3.049.414.145</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2019	20.729.693.249	-	15.000.000	20.744.693.249
Tại ngày 31/12/2019	<u>25.378.029.703</u>	<u>-</u>	<u>101.700.000</u>	<u>25.479.729.703</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64, đường Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.284.892 đồng, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ161263 ngày 11/03/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T086817 ngày 18/06/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 276134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 tại số 10 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, nguyên giá 1.257.477.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 508.836.320 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 18.012.934.068 đồng.

4.13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2019 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
Nhà và quyền sử dụng đất	190.366.247.375	32.023.877.459	-	222.390.124.834
Cộng	190.366.247.375	32.023.877.459	-	222.390.124.834
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Nhà và quyền sử dụng đất	190.366.247.375			222.390.124.834
Cộng	190.366.247.375			222.390.124.834

Giá trị của bất động sản đầu tư cuối năm để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 152.160.124.834 đồng.

Không có bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn nắm giữ chờ tăng giá.

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (Tỉnh Thừa Thiên Huế)	100.420.230.884	188.246.971.519
Cộng	100.420.230.884	188.246.971.519

4.15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Dự án siêu thị Green Mart - Đà Nẵng (*)	58.935.776.939	58.767.776.939
Dự án điện mặt trời Quảng Trị	2.579.020.910	-
Dự án NM điện gió Thuận Nhiên Phong 1	186.013.726.260	185.367.021.331
DA NM điện mặt trời VNECO Hòa Thắng-Bình Thuận	527.368.329	452.749.237
Dự án NM điện mặt trời VNECO Vĩnh Long	7.776.721.172	6.657.437.954
Các dự án khác	1.907.105.058	2.014.923.563
Cộng	257.739.718.668	253.259.909.024

(*) Dự án đang được thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/242753/HĐBBĐ ngày 24/01/2019 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO2	5.854.100.000	6.062.842.901	5.854.100.000	5.995.140.268
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 7	9.560.000.000	-	9.560.000.000	-
Cộng	18.414.100.000	6.062.842.901	18.414.100.000	5.995.140.268

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				
Công ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM (*)	1.913.808	634.400	1.913.808	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1 (*)	179.472	192.000	179.472	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9 (*)	916.740	207.900	916.740	-
Công ty Cổ phần Sông Ba (*)	2.381.000.521	3.750.105.000	2.381.000.521	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO (**)	30.820.000.000	(4.688.344.992)	30.820.000.000	(1.172.643.026)
Cộng	33.204.010.541	(4.688.344.992)	33.204.010.541	(1.172.643.026)

(*) Tổng công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(**) Tại ngày báo cáo, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty CP Sóng Đà 11	4.623.138.753	4.623.138.753	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận	3.149.685.000	3.149.685.000	-	-
Công ty Cổ phần xây lắp và Thiết bị Đại An	2.233.248.937	2.233.248.937	2.233.248.937	2.233.248.937
Công ty TNHH MTV Xây dựng điện Miền Tây Cao Bằng	957.446.500	957.446.500	1.987.717.886	1.987.717.886
Các đối tượng khác	42.899.231.382	42.899.231.382	32.579.210.632	32.579.210.632
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.807.345.413	1.807.345.413	1.409.747.401	1.409.747.401
Cộng	55.670.095.985	55.670.095.985	38.209.924.856	38.209.924.856

4.18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
	Công ty CP Đầu tư Phát triển Đại Phong - CN Bình Thuận	15.695.606.660
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây dựng Huy Hoàng	664.805.150	82.514.635.093
Ban QLDA các công trình Điện Miền Bắc	12.116.139.890	2.327.729.153
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	3.321.325.628	35.409.358.254
Các đối tượng khác	68.277.813.145	132.388.703.927
Cộng	100.075.690.473	252.640.426.427

4.19. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	3.868.966.220	123.450.347.745	120.963.209.608	-	1.381.828.083
Thuế TTĐB	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN	3.643.808.439	558.535.975	6.314.424.699	7.123.713.246	2.446.267.138	170.283.221
Thuế TNCN	-	175.081.272	975.854.448	1.030.682.749	-	229.909.573
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	813.224.386	813.224.386	-	-
Thuế môn bài	-	-	21.000.000	21.000.000	-	-
Thuế khác	-	18.821.618	322.596.610	303.774.992	-	-
Cộng	3.643.808.439	4.621.405.085	131.897.447.888	130.255.604.981	2.446.267.138	1.782.020.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Lãi vay phải trả	265.330.205	174.061.171
Trích trước chi phí công trình	134.622.926.179	40.856.388.919
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	579.450.978	983.732.801
Cộng	137.641.143.458	44.187.618.987

4.21. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	742.634.454	747.741.197
Bảo hiểm xã hội	643.313.037	596.544.419
Cổ tức phải trả	1.000.034.275	1.000.034.275
Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế	-	7.998.766.000
Phải trả ngắn hạn khác	3.293.081.929	3.393.263.259
Cộng	5.679.063.695	13.736.349.150

4.22. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	432.516.709	1.953.401.158
Cộng	432.516.709	1.953.401.158
Dài hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	515.951.873	-
Cộng	515.951.873	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.349.469.883	3.060.283.674
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(545.041.395)	(1.348.605.675)
Cộng	2.804.428.488	1.711.677.999

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.24. Vay và nợ thuê tài chính
4.24.1. Ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn:						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (i)	86.029.323.242	86.029.323.242	533.752.411.321	557.509.442.603	109.786.354.524	109.786.354.524
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (ii)	17.903.042.332	17.903.042.332	30.900.000.000	29.571.605.668	16.574.648.000	16.574.648.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	-	899.574.267	899.574.267	899.574.267
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	-	8.571.285.333	8.571.285.333	8.571.285.333
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP. Vinh	739.860.820	739.860.820	21.434.041.896	25.000.525.895	4.306.344.819	4.306.344.819
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	12.563.370.991	12.563.370.991	38.442.707.767	38.951.183.974	13.071.847.198	13.071.847.198
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	3.282.629.845	3.282.629.845	3.282.629.845
- Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	13.436.461	13.436.461	13.436.730	269	-	-
- Công ty CP Chứng khoán APEC	4.183.301	4.183.301	4.183.301	-	-	-
- Vay các đối tượng khác	2.900.000.000	2.900.000.000	9.759.000.000	9.509.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	155.244.000	155.244.000	155.244.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000
Cộng	120.308.461.147	120.308.461.147	634.461.025.015	673.635.247.854	159.482.683.986	159.482.683.986

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 05/2019/242753/HĐTD ngày 06 tháng 12 năm 2019;

- Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay: Đến ngày 31/07/2020;

- Lãi suất vay: Được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

- Bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(ii) **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk** theo 17 Hợp đồng tín dụng hạn mức từng lần số 8 - 26/2019/17952/HĐTD, thời hạn các khoản vay từ 05 đến 08 tháng, lãi suất cố định 9%/năm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

(iii) **Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình** theo hợp đồng vay số 805003007/115/2019-HĐCVHM/NHCT470-VNECO12 ngày 21 tháng 06 năm 2019. Hạn mức vay 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa không quá 9 tháng đối với mảng thi công xây dựng và tối đa không quá 6 tháng đối với mảng kinh doanh khác, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm tài sản cố định và toàn bộ các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, các vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bên Vay tại mọi thời điểm.

4.24.2. Dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (iv)	51.800.037	51.800.037	-	48.000.000	99.800.037	99.800.037
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (v)	416.000.000	416.000.000	640.000.000	251.244.000	27.244.000	27.244.000
Cộng	467.800.037	467.800.037	640.000.000	299.244.000	127.044.037	127.044.037

(iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Vinh theo hợp đồng:

Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 01/2017-HĐCVDADT/NHCT442-VNECO3 của Ngân hàng Công thương Việt Nam ngày 08/12/2017; Mục đích vay: Thanh toán chi phí Cải tạo nhà xưởng sản xuất công nghiệp, nhà tập thể cán bộ công nhân viên; Lãi suất vay: Theo từng lần nhận nợ, Thời hạn vay: 36 tháng; Hạn mức: 7.000.000.000 VNĐ; Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp động sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017.

(v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng sau:

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/17952/HĐTD ngày 06/11/2017 với khoản vay 1 tỷ đồng để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị thi công công trình; thời hạn các khoản vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất thả nổi tại ngày giải ngân đầu tiên là 10,9%/năm (điều chỉnh 06 tháng 1 lần) với các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố được giao kết trước, cùng hoặc sau ngày của Hợp đồng vay này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng vay này.

(**) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/17952/HĐTD ngày 28/01/2019 với khoản vay 640.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô tải (có cần cẩu) mới 100%, nhãn hiệu MAZ, nước sản xuất Việt Nam, năm sản xuất: 2011, gắn cầu KangLim 3T (Hàn Quốc), tải trọng 3000 kg, phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO8, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm, kỳ đầu tiên áp dụng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

lãi suất 10,7%/năm. Phương thức trả nợ: Trích nợ tài khoản số 631-10-00-000072-6 của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk và các tài khoản khác thuộc sở hữu của Bên vay mở tại Ngân hàng. Biện pháp bảo đảm: các Hợp đồng cầm cố/thẻ chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

4.25. Vốn chủ sở hữu

4.25.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Có phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(90.473.576.286)	16.680.299.459	112.199.003	67.738.575.547	936.867.831.095
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	84.427.703.315	83.025.045.319
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	66.126.628	-	(66.126.628)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(40.967.016.500)	(42.651.193.900)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	21.274.020	(3.903.097.211)	(4.150.710.803)
Trích các quỹ khác thuộc NVCSH	-	-	-	-	-	-	(21.274.020)	-
Tặng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tự	-	-	-	-	-	-	(2.233.532.251)	(1.456.400.000)
Tặng/giảm do thanh lý Công ty con	-	-	-	1.606.538.996	-	-	-	1.448.406.436
Ảnh hưởng năm trước	-	-	-	-	-	-	15.383.518	(244.236)
Tại ngày 01/01/2019	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.746.428.087	133.473.023	104.990.615.770	973.082.733.910
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	9.893.730.721	9.663.176.966
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	8.787.785	-	(8.787.785)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(186.159.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.217.925.728)	(41.617.472)
Trích các quỹ khác thuộc NVCSH	-	-	-	-	-	8.787.785	(8.787.785)	-
Cộng	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.755.213.872	142.260.808	112.648.845.193	980.300.208.476

(*) Nghị quyết ĐHCĐ số 01NQ/VNECO-ĐHCĐ ngày 30/05/2019 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 9% vốn điều lệ bằng tiền mặt tương đương 73.740.629.700 đồng; trong đó đã tạm ứng 5% cổ tức năm 2018 là 40.967.016.500 đồng và thực hiện chi trả 4% cổ tức còn lại tương đương với giá trị 32.773.613.200 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Theo thông báo số 1325 TB/VNECO – TCNSĐT ngày 11/07/2019, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam thông báo hủy ngày đăng ký cuối cùng (ngày 16/07/2019) để trả cổ tức còn lại năm 2018. Lý do: Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã có công văn số 483/CV – CCTHADS ngày 08/07/2019 về việc thi hành Bản án và đề nghị "không lập thủ tục chi trả số tiền cổ tức còn lại của năm 2018 cho các cổ đông để đảm bảo nghĩa vụ thi hành Bản án số 618/2018/HSPT ngày 2/11/2018 của Tòa án cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh".

4.25.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	71.497.060.000	71.497.060.000
Bà La Mỹ Phượng	65.967.890.000	48.429.700.000
Các cổ đông khác	681.875.380.000	699.413.570.000
Cổ phiếu quỹ	84.989.200.000	84.989.200.000
Cộng	904.329.530.000	904.329.530.000

4.25.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp tại ngày 01/01		
Vốn góp tăng trong năm	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	904.329.530.000	904.329.530.000

4.25.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8.498.920	8.498.920
- Cổ phiếu phổ thông	8.498.920	8.498.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	81.934.033
- Cổ phiếu phổ thông	81.934.033	81.934.033
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.25.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng công ty	9.893.730.721	84.427.703.315
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.217.925.728
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông	9.893.730.721	82.209.777.587
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	81.934.033	81.934.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	121	1.003

4.25.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng công ty	9.893.730.721	84.427.703.315
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.217.925.728
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.893.730.721	82.209.777.587
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	-	81.934.033
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	81.934.033	81.934.033
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	121	1.003

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được tính chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Tổng Công ty chưa quy định tỷ lệ trích quỹ.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được điều chỉnh trừ quỹ Khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2019.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.069.739.436	17.373.289.890
Doanh thu bán hàng	30.436.449.907	28.324.321.924
Doanh thu kinh doanh bất động sản	222.887.648.495	152.046.762.171
Doanh thu hợp đồng xây dựng	971.509.712.782	543.689.392.794
Doanh thu khác	-	338.242.140
Cộng	1.231.903.550.620	741.772.008.919

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan
- Xem thêm mục 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.414.118.132	20.058.615.231
Giá vốn bán hàng	24.818.819.670	23.517.145.528
Giá vốn kinh doanh bất động sản	191.763.558.537	135.885.341.569
Giá vốn hợp đồng xây dựng	905.629.280.281	510.607.579.698
Giá vốn khác	-	332.481.320
Cộng	1.133.625.776.620	690.401.163.346

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.160.630.176	10.655.061.099
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	817.039.000
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn	-	169.860.365.048
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	1.281.538
Cộng	1.460.630.176	181.333.746.685

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	13.118.591.647	18.407.272.192
Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng vốn	-	1.877.906.303
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	3.516.123.366	1.222.545.426
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(465.742.379)
Chi phí tài chính khác	1.464.857	1.376.037
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	49.603	-
Cộng	16.636.229.473	21.043.357.579

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quảng cáo, môi giới	-	31.760.681.818
Các khoản khác	1.270.726.123	1.083.493.206
Cộng	1.270.726.123	32.844.175.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	29.574.897.736	27.300.410.675
Chi phí dự phòng	15.319.469.575	29.000.000.000
Các khoản khác	22.180.024.608	20.876.842.854
Cộng	67.074.391.919	77.177.253.529

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	439.327.264	116.667.273
Chênh lệch định giá tài sản góp vốn	-	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	3.055.286.537	489.554.196
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	734.633.773	298.467.001
Thu nhập bảo hiểm bồi thường	-	1.274.008.383
Các khoản khác	822.514.639	2.506.514.180
Cộng	5.051.762.213	4.685.211.033

Trong đó, thu nhập khác đối với các bên liên quan
 - Xem thêm mục 8

	187.090.000	-
--	-------------	---

5.8. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí công trình không quyết toán	-	563.729.000
Các khoản thuế bị truy thu, phạt chậm nộp (tại các công ty con)	208.470.010	118.635.059
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm	1.468.526	15.335.276
Chi phí phạt vi phạm gói bảo lãnh dự thầu	2.000.000.000	-
Chi phí chậm nộp để án tác động môi trường dự án KĐT Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế chưa kê khai	300.000.000	-
Chi phí thuế GTGT phần hạ tầng dự án KĐT Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế chưa kê khai	-	17.998.766.000
Chi phí thiệt hại do thiên tai	-	1.397.309.162
Các khoản khác	296.230.817	730.336.327
Cộng	2.806.169.353	20.824.110.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.325.764.246	243.413.256.376
Chi phí nhân công	80.984.882.350	80.204.638.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.297.687.544	11.763.354.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.574.073.888	421.948.968.359
Chi phí khác bằng tiền	46.013.624.107	28.441.006.506
Cộng	1.103.196.032.135	785.771.224.180

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.092.200.258	3.819.396.487
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	222.224.441	52.142.468
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.314.424.699	3.871.538.955

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	634.945.781.015	912.841.652.750
Cộng	634.945.781.015	912.841.652.750

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	673.779.247.854	948.465.807.305
Cộng	673.779.247.854	948.465.807.305

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tổng công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau: Hoạt động xây lắp, hoạt động bất động sản, hoạt động kinh doanh khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	971.509.712.782	222.887.648.495	37.506.189.343	1.231.903.550.620
Doanh thu thuần giữa các bộ phận				
Giá vốn của bộ phận	905.629.280.281	191.763.558.537	36.232.937.802	1.133.625.776.620
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	65.880.432.501	31.124.089.958	1.273.251.541	98.277.774.000
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2019	616.689.390.753	110.573.453.274	56.208.715.033	783.471.559.060
Tài sản không phân bổ				647.828.319.116
Tổng tài sản				1.431.299.878.176
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2019	261.190.461.687	63.867.577.164	26.158.413.480	351.216.452.331
Nợ phải trả không phân bổ				99.783.217.369
Tổng nợ phải trả				450.999.669.700

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	543.689.392.794	152.046.762.171	46.035.853.954	741.772.008.919
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	510.607.579.698	135.885.341.569	43.908.242.079	690.401.163.346
Giá vốn của bộ phận	33.081.813.096	16.161.420.602	2.127.611.875	51.370.845.573
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
Tài sản bộ phận tại ngày 01/01/2019	514.424.963.504	201.719.541.881	29.300.758.767	745.445.264.152
Tài sản không phân bổ				759.677.099.911
Tổng tài sản				1.505.122.364.063
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 01/01/2019	216.207.331.863	162.490.367.621	33.720.150.237	412.417.849.721
Nợ phải trả không phân bổ				119.621.780.432
Tổng nợ phải trả				532.039.630.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10
4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	-	360.117.187
Cộng - Xem thêm mục 4.4	-	360.117.187
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	360.729.528	1.221.461.348
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.062.121.477	2.169.491.613
Cộng - Xem thêm mục 4.5	3.422.851.005	3.390.952.961
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	126.640.869	152.067.369
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.257.680.032	1.257.680.032
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	423.024.512	-
Cộng - Xem thêm mục 4.17	1.807.345.413	1.409.747.401

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua khối lượng xây lắp, vật tư:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	15.104.070.649	10.023.685.024
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	7.132.206.866	32.946.850.498
Cộng	22.236.277.515	42.970.535.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	133.660.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	187.090.000	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1 & 5.7	320.750.000	-

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức được chia:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	-	339.537.500
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	240.000.000
Cộng	-	579.537.500

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	1.149.729.166	-
Cộng	1.149.729.166	-

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu hồi thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	1.149.729.166	-
Cộng	1.149.729.166	-

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thu xếp vốn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	49.729.166	-
Cộng	49.729.166	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao HĐQT	426.000.000	456.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	4.535.521.617	4.381.900.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và chi phí hoạt động	364.849.560	358.847.000

10. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2018, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Ngày 27/12/2018, Tổng Công ty cũng đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 nhưng đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

11. CAM KẾT GÓP VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào công ty con như sau:

	Cam kết góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty (%)	Số vốn của Tổng Công ty đã góp đến 31/12/2019 VND	Số vốn Tổng Công ty còn phải góp tại ngày 31/12/2019 VND
Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	200.000.000.000	100	20.000.000.000	180.000.000.000
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long	100.000.000.000	100	25.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH Bất động sản - Du lịch VNECO	100.000.000.000	100	-	100.000.000.000
Cộng	400.000.000.000		45.000.000.000	355.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020



Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Võ Quang
Người lập

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ban hành 02 Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp.

Báo cáo tài chính Tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung, đã được công bố trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Tổng Công ty theo địa chỉ:

vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2019/Kiemtoan/VP/VNE_BCTC_TONGHOP_2019%20BH.pdf



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN ĐỨC HỒNG



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 2361 356 2367

Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City

Telephone: (+84) 236 356 2361 Fax: (+84) 236 356 2367 Website: www.vneco.com.vn